*Tiết PPCT: 01 Ngày soạn: 04/09/2023*

*Tuần : 01 Lớp dạy: 6a1,6a2*

**BÀI 1: THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

**I. Mục tiêu: SP Tin 6 Anh Nguyet + Pham Huy**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu.

- Phân biệt được thông tin và vật mang tin.

- Nêu được ví dụ minh hoạ tầm quan trọng của thông tin.

- Nêu được ví dụ minh họa mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm Thông tin, dữ liệu, vật mang tin.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Thông tin, dữ liệu, vật mang tin.

**2.2. Năng lực Tin học:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực D (NLd):**

- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.

**Năng lực E (NLe):**

**-** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, …

**2. Học liệu:**

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo

- HS: SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

- Biết được thông tin là những gì bản thân thu nhận được trong cuộc sống hằng ngày xung quanh em.

- Biết bộ phận thu nhận thông tin là các giác quan và não là trung tâm xử lý.

**b) Nội dung:**

- Trong cuộc sống hằng ngày em nhìn thấy, nghe, cảm nhận được những gì xung quanh?

- Tất cả những gì em nhìn thấy, nghe, cảm nhận được bộ phận nào của chúng ta thu nhận, bộ phận nào xử lý?

**c) Sản phẩm:**

- Thu nhận được các thông tin trong cuộc sống hằng ngày xung quanh em.

- Bộ phận thu nhận thông tin là các giác quan và não xử lý.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Yêu cầu hs hoạt động nhóm (Mỗi nhóm 6 bạn) thảo luận thống nhất kết quả trên giấy A4: Nêu một số ví dụ trong cuộc sống hằng ngày mà em thấy, nghe, cảm nhận được.  - Trả lời câu hỏi: Tất cả những vấn đề đó được bộ phận nào của chúng ta thu nhận và xử lý?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thảo luận bài tập trong phiếu học tập và trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu đại diện nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện.  + Trong cuộc sống hằng ngày em nhìn thấy những con số, dòng chữ, những hình ảnh trong sách, các hoạt động xung quanh,…; nghe tiếng chim hót, tiếng loa phường, tiếng xe cộ trên đường,…; cảm nhận được nóng, lạnh, chua, cay,…  + Tất cả những gì em thấy được bộ phận các giác quan thu nhận và não xử lý.  - HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành, thái độ học tập và kĩ năng hoạt động nhóm của HS. Từ đó hướng dẫn học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiến thức mới. | \* Nội dung:  + Trong cuộc sống hằng ngày em em thấy, nghe, cảm nhận đượcnhững gì xung quanh em?  \* Trả lời: Trong cuộc sống hằng ngày em nhìn thấy những con số, dòng chữ, những hình ảnh trong sách, các hoạt động xung quanh, …; nghe tiếng chim hót, tiếng loa phường, tiếng xe cộ trên đường, …; cảm nhận được nóng, lạnh, chua, cay, …  + Tất cả những vấn đề trên được bộ phận nào của chúng ta thu nhận và xử lý?  \* Trả lời: Tất cả những gì em thấy được bộ phận các giác quan thu nhận và não xử lý. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Thông tin và dữ liệu**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu

- Phân biệt được thông tin và vật mang thông tin

**b) Nội dung**: Thông tin và dữ liệu

**c) Sản phẩm:**

- Sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu

- Phân biệt được thông tin và vật mang thông tin

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Thảo luận nhóm 6 bạn, hoàn thành các câu hỏi sau vào bảng nhóm trong thời gian 5 phút:  Câu 1: (Trang 5 SGK) Đọc đoạn văn Hoạt động 1 và cho biết bạn Minh đã thấy những gì và biết được điều gì để quyết định nhanh chóng qua đường?  Câu 2: Bạn An xem dự báo thời tiết trên ti vi, bạn An thấy những gì?  Câu 3: Quan sát hình ảnh sau và cho biết hình ảnh trên có những gì?    **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện 2 nhóm đã hoàn chỉnh lên báo cáo kết quả hoạt động.  + Câu 1:  \* Minh thấy đèn giao thông đổi màu.  \* Minh qua đường.  + Câu 2:  \* An thấy các con số, văn bản, hình ảnh trên ti vi  \* An biết hôm nay trời nắng.  + Câu 3:  \* Hình ảnh trên có chữ, số.  \* Đi đến địa điểm du lịch.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV: Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - GV chính xác hóa các câu trả lời của HS và bổ sung thông tin vào các ý trên nhằm dẫn HS vào bài.  \* Dữ liệu là Minh thấy đèn giao thông đổi màu; An thấy các con số, văn bản, hình ảnh trên ti vi; Hình ảnh trên có chữ, số  \* Thông tin là Minh qua đường; An biết hôm nay trời nắng; Đi đến địa điểm du lịch  \* Vật mang thông tin là Đèn giao thông; Dự báo thời tiết; Tấm bảng  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe  - GV chốt kiến thức. | **I. THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU:**  **1. Thấy gì? Biết gì ?**  - Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.  - Thông tin được ghi lên vật mang thông tin trở thành dữ liệu. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng những con số, văn bản, hình ảnh và âm thanh.  - Vật mang thông tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin  Ví dụ: Biển báo, giấy viết, đĩa CD, thẻ nhớ, …. |
| **\*GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Thảo luận nhóm hoàn thành các câu hỏi sau trong 5 phút: ***Từ những ví dụ trên em hãy cho biết:***  a) Thông tin là gì?  b) Dữ liệu là gì?  c) Mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu?  d) Vật mang thông tin là gì ?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả thảo luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện nhóm đã hoàn chỉnh đứng tại chỗ báo cáo kết quả hoạt động.  a) Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.  b) Thông tin được ghi lên vật mang thông tin trở thành dữ liệu. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng những con số, văn bản, hình ảnh và âm thanh.  c) Vì dữ liệu đem lại thông tin nên đôi khi “dữ liệu” cũng được thay bằng “thông tin”. Tuy vậy, thông tin và dữ liệu vẫn có những điểm khác nhau.  d) Vật mang thông tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin.  Ví dụ: Biển báo, giấy viết, đĩa CD, thẻ nhớ, ….  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - GV chính xác hóa các câu trả lời của HS.  - GV chốt kiến thức |
| **\*GV giao nhiệm vụ học tập 3**  Thảo luận nhóm (Chia lớp thành 2 nhóm), hoàn thành các bài tập sau trong 3 phút:  ❓**1. Em hãy ghép mỗi mục ở cột A với một mục phù hợp ở cột B.**   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | 1) Thông tin | a) Các số, văn bản, hình ảnh, âm thanh,… | | 2) Dữ liệu | b) Hiểu biết của con người về thế giới | | 3) Vật mang tin | c) Vật chứa dữ liệu |   **2. Mỗi dòng sau đây là thông tin hay dữ liệu?**   |  |  | | --- | --- | | * 16:00 | * 0123456789 | | Hãy gọi cho tôi lúc 16 giờ theo số điện thoại 0123456789 | |   **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3**  - Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong các nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận 3**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện 2 nhóm báo cáo kết quả hoạt động.  \* Nhóm 1:  Câu 1: 1-B; 2-A; 3-C.  \*Nhóm 2:  Câu 2:  + Dòng 1: Dữ liệu  + Dòng 2: Dữ liệu và thông tin  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về thông tin và dữ liệu  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở |

**Hoạt động 2.2: Tầm quan trọng của thông tin**

**a) Mục tiêu:**

- Biết thông tin đem lại sự hiểu biết cho con người và các hoạt động đều cần đến thông tin.

- Biết lựa chọn thông tin đúng giúp ích cho con người.

**b) Nội dung:** Hỏi để có thông tin.

**c) Sản phẩm:**

- Thông tin đem lại sự hiểu biết cho con người và các hoạt động đều cần đến thông tin.

- Lựa chọn thông tin đúng giúp ích cho con người.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Thảo luận nhóm 6 bạn, hoàn thành các câu hỏi sau vào phiếu học tập số 1 trong 5 phút: (Trang 6 SGK) Đọc đoạn văn 1 trong phần ***Kiến thức mới*** và cho biết:  + Câu 1: Bài học chiến dịch Điện Biên Phủ cho em biết những thông tin gì?  + Câu 2: Những thông tin đó có ý nghĩa như thế nào?  + Câu 3: Thông tin đem lại cho con người những gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu học tập 1, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện 2 nhóm báo cáo kết quả hoạt động.  + Câu 1: Địa điểm, thời gian, diễn biến trận đánh ….  + Câu 2: Những thông tin đó giúp em biết được truyền thống chiến đấu chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.  + Câu 3: Thông tin đem lại sự hiểu biết của người .  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **II. TẦM QUAN TRỌNG CỦA THÔNG TIN:**  **2. Hỏi để có thông tin:**  - Thông tin đem lại sự hiểu biết cho con người. Mọi hoạt động của con người đều cần đến thông tin  - Thông tin đúng giúp con người có những lựa chọn tốt, giúp cho hoạt động của con người đạt hiệu quả. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Thảo luận nhóm bàn, hoàn thành các câu hỏi sau vào phiếu học tập số 2 trong 5 phút: (Trang 6 SGK) Đọc đoạn văn 2 trong phần ***Kiến thức mới*** và cho biết  + Câu 1: An chuẩn bị sang nhà Minh học nhóm. An nghe mẹ nói “trời sắp mưa”. Thông tin đó làm An có hành động gì?  + Câu 2: Thông tin có khả năng làm gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu học tập 2, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong các nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện 2 nhóm báo cáo kết quả hoạt động.  + Câu 1: An có hành động là quay vào nhà lấy chiếc ô.  + Câu 2: Thông tin có khả năng thay đổi hành động của con người.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - GV chốt kiến thức |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - Thảo luận nhóm 6 bạn, hoàn thành Hoạt động 2 vào phiếu học tập số 3 trong 5 phút (Trang 7 SGK) Lớp em có buổi dã ngoại. Hãy tìm thông tin cho buổi dã ngoại đó?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3**  - Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quảghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 3**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện 2 nhóm báo cáo kết quả hoạt động.  + Lập kế hoạch cho buổi dã ngoại.  + Thông tin về cảnh vật xung quanh để chụp ảnh.  + Các trò chơi khi đi dã ngoại.  + Chuẩn bị trang phục.  + Các di tích tham quan.  + Các món ăn cần phải mang theo.  + Bài thu hoạch cho buổi dã ngoại.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về tầm quan trọng của thông tin  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

**-** Giúp học sinh ôn tập lại các khái niệm: Thông tin, Dữ liệu, Vật mang tin

**b) Nội dung:**

- Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Tổ chức trò chơi “AI NHANH HƠN”.  \* **Luật chơi:** Chia lớp thành 2 đội; mỗi đội chọn ra 4 bạn xếp thành 2 hàng chơi tiếp sức. Bạn thứ 1 đọc câu hỏi trên bảng phụ rồi ghi đáp án lên bảng, xong quay về chuyền phấn cho bạn thứ 2 rồi xuống đứng cuối hàng. Bạn thứ 2 đọc câu hỏi trên bảng phụ rồi ghi đáp án lên bảng, có thể sửa đáp án của đồng đội làm trước, xong quay về chuyền phấn cho bạn thứ 3…. Tiến hành đến khi hoàn thành các câu hỏi hoặc đến khi hết thời gian 2 phút:  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Tiến hành trò chơi:  + Cử thành viên tham gia trò chơi;  + Đặt tên đội;  + Cử trọng tài;  + Cổ vũ  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Trọng tài: Thông báo hết thời gian hoặc trò chơi kết thúc. Gọi đại diện các nhóm nhận xét chéo. Công bố kết quả:  **\* Đáp án:** 1-C; 2-C; 3-A; 4-A; 5-D; 6-D; 7-B.  - Tuyên bố đội thắng cuộc.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kết quả cuối cùng | **Đáp án:**  1-C;  2-C;  3-A;  4-A;  5-D;  6-D;  7-B |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn.

**b) Nội dung:** Vận dụng

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ tự học theo nhóm và cá nhân.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Hoàn thành các bài tập sau:  **Bài 1:** Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em:  a. Có những lựa chọn cho trang phục phù hợp  b. Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông  **Bài 2:** Em hãy nêu ví dụ về vật mang tin giúp ích cho việc học tập của các em.  . | **Bài 1:**  a) Giúp em có những lựa chọn trang phục phù hợp: Lời nói của bố mẹ, thầy cô, tin tức trên báo đài.  b) Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông: Đèn giao thông, các vạch chỉ đường  **Bài 2:** Vật mang thông tin giúp ích cho việc học tập của các em như SGK, SBT, Sách tham khảo, Từ điển bách khoa, đĩa CD/DVD, USB, ….  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác. |

*Tiết PPCT: 02 Ngày soạn: 10/09/2023*

*Tuần : 02 Lớp dạy: 6a1,6a2*

**BÀI 2: XỬ LÍ THÔNG TIN**

**(Thời gian thực hiện: 1 tiết)**

**I. Mục tiêu: SP Tin 6 Anh Nguyet + Pham Huy**

**1. Về kiến thức:**

- Nêu được các hoạt động cơ bản trong xử lí thông tin.

- Giải thích được máy tính là công cụ hiệu quả để xử lí thông tin.

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về xử lí thông tin trong máy tính.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Xử lý thông tin trong máy tính.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về xử lý thông tin trong máy tính.

**2.2. Năng lực Tin học:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

- Phát triển năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

**Năng lực D (NLd):**

- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.

**Năng lực E (NLe):** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3. Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu, …

**2. Học liệu:**

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo

- HS: SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

Biết được các hoạt động cơ bản trong xử lí thông tin trong ví dụ một cầu thủ bóng đá thực hiện quả phạt đền.

**b) Nội dung:**

Cầu thủ đã thực hiện như thế nào để có cú sút vào cầu môn?

**c) Sản phẩm:**

Cách xử lý thông tin để thực hiện quả phạt đền đá quả bóng vào khung thành thủ môn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GVvà HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin sgk, quan sát video  - Hoạt động nhóm thảo luận:  + Trong video em nhìn thấy cầu thủ dùng mắt để làm gì?  + Em thấy làm thế nào cầu thủ thực hiện cú sút chuẩn xác vào cầu môn?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thảo luận câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.  - Giáo viên quan sát và giúp đỡ nhóm gặp khó khăn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình.  - Trong video em nhìn thấy cầu thủ dùng mắt để xác định vị trí của thủ môn.  - Em thấy cầu thủ sử dụng mắt xác định vị trí, não đánh giá góc sơ hở, sải bước, lấy đà…  **\* Kết luận, nhận định**  - Sau khi thực hiện xong câu hỏi giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả học sinh đã báo cáo. Từ đó hướng hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiên thức mới. |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Xử lý thông tin**

a) Mục tiêu:

Biết được cách xử lí thông tin để thực hiện quả phạt đền đá bóng vào khung thành thủ môn.

b) Nội dung: Xử lý thông tin

c) Sản phẩm: Cách xử lí thông tin để thực hiện quả phạt đền đá bóng vào khung thành thủ

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập nhiệm vụ 1:**  - HS đọc ví dụ về cầu thủ sút bóng, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.  - Đại diện nhóm trả lời, hoàn thành 5 câu hỏi trong SGK/8:  Em hãy xem xét tình huống cầu thủ ghi bàn và trả lời các câu hỏi sau:  1. Bộ não cầu thủ nhận được thông tin từ các giác quan nào?  2. Thông tin nào được não cầu thủ ghi nhớ và sử dụng khi đá phạt?  3. Bộ não xử lý thông tin nhận được thành thông tin gì?  4. Bộ não chuyển thông tin điều khiển thành thao tác nào của cầu thủ?  5. Quá trình xử lí thông tin của bộ não gồm những hoạt động nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  + Câu 1: Mắt theo dõi thủ môn đối phương, vị trí quả bóng và khoảng cách giữa các đối tượng đó.  + Câu 2: Thông tin về vị trí và động tác của thủ môn đối phương, vị trí quả bóng và khoảng cách giữa các đối tượng đó.  + Câu 3: Bộ não dùng kinh nghiệm để xử lí thông tin về vị trí của thủ môn thành điểm sơ hở khi bảo vệ khung thành, từ đó chuyển thành thông tin điều khiển đôi chân cầu thủ.  + Câu 4: Bộ não chuyển thông tin điều khiển đến hệ thống cơ bắp thành những thao tác vận động toàn thân, đặc biệt là sự di chuyển của đôi chân, thực hiện cú sút phạt với hiệu quả cao nhất.  + Câu 5: Quá trình xử lí thông tin của bộ não gồm 4 hoạt động: thu nhận, lưu trữ, xử li và truyền.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - HS đọc nội dung sgk, sau đó GV kết nối kiến thức giúp HS phát hiện ra 4 bước xử lí thông tin cơ bản.    **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: đọc nội dung, theo tinh thần xung phong mỗi HS tìm một ví dụ về hoạt động có ý thức của con người.  - GV: Quan sát các cá nhân. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn khác.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động cá nhân. Gọi đại diện 1 HS lên báo cáo kết quả hoạt động.  + Thu nhận thông tin, lưu trữ thông tin, xử lý thông tin, truyền thông tin.  - GV: Yêu cầu cá nhân khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của cá nhân khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động. Cho điểm các cá nhân làm tốt.  - GV chính xác hoá các câu trả lời của HS.  - GV chốt kiến thức.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập** 3  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi SGK/9  ? Mỗi việc dưới đây thuộc hoạt động nào trong quá trình xử lí thông tin? Giải thích tại sao?  a) Em đang nghe chương trình ca nhạc trên Đài tiếng nói ? Em hãy xem xét tình huống cầu thủ ghi bàn và trả lời các câu hỏi sau:  1. Bộ não cầu thủ nhận được thông tin từ các giác quan nào?  2. Thông tin nào được não cầu thủ ghi nhớ và sử dụng khi đá phạt?  3. Bộ não xử lý thông tin nhận được thành thông tin gì?  4. Bộ não chuyển thông tin điều khiển thành thao tác nào của cầu thủ?  5. Quá trình xử lí thông tin của bộ não gồm những hoạt động nào?  ? Mỗi việc dưới đây thuộc hoạt động nào trong quá trình xử lí thông tin? Giải thích tại sao?  a) Em đang nghe chương trình ca nhạc Đài tiếng nói Việt Nam.  b) Bố em xem chương trình thời sự ti vi  c) Em chép bài trên bảng vào vở.  d) Em thực hiện phép tính nhẩm.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn.  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động. Lưu ý câu hỏi mang tính gợi mở, phát huy trí tưởng tượng nên câu trả lời khá đa dạng, vì vậy có thể chấp nhận nhiều phương án trả lời nếu có lí.  a. Thu nhận thông tin. Hoặc vừa thu nhận, vừa xử lí thông tin.  b. Thu nhận và lưu trữ thông tin.  c. Lưu trữ hoặc xử lí thông tin  d. Xử lí thông tin  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  - HS quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về xử lý thông tin  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **1. XỬ LÍ THÔNG TIN**  **1. Xử lí thông tin**  Các hoạt động xử lí thông tin bao gồm:  - Thu nhận thông tin  - Lưu trữ thông tin  - Xử lí thông tin  - Truyền thông tin  \* Sơ đồ:  Screenshot_9 |

**Hoạt động 2.2: Xử lý thông tin trong máy tính**

**a) Mục tiêu:**

Biết được các bước và mô hình xử lý thông tin cơ bản trong máy tính.

**b) Nội dung:** Hiệu quả của thực hiện xử lí thông tin của máy tính

**c) Sản phẩm:** Các bước và mô hình xử lý thông tin

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - HS đọc nội dung sgk/10, nghe giáo viên hướng dẫn.    - Học sinh thảo luận, trao đổi và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành 2 câu hỏi SGK/10  + Câu 1: Máy tính gồm mấy thành phần để có thể thực hiện được các hoạt động xử lý thông tin?  a. 3 b. 4 c. 5 d. 6  + Câu 2: Chức năng của bộ phận máy tính là gì?  a. Thu nhận thông tin  b. Hiển thị thông tin  c. Lưu trữ thông tin  d. Xử lý thông tin  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  + Câu 1: Đáp án B  + Câu 2: Đáp án C  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. Cho điểm các nhóm làm tốt.  - GV chốt kiến thức.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Thảo luận nhóm và hoàn thành các câu hỏi phiếu học tập số 1:  Câu 1: Lấy ví dụ máy tính giúp con người trong 4 bước xử lí thông tin?  Câu 2: So sánh hiệu quả thực hiện công việc trên khi sử dụng và không sử dụng máy tính?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  + Các hoạt động được máy tính hỗ trợ rất đa dạng. Ví dụ như soạn thảo văn bản, tính toán số học; chuyển văn bản thành giọng nói; dịch tự động từ văn bản và từ hình ảnh; các ứng dụng di động, thông minh có hỗ trợ của Internet (thời tiết, thời sự, lưu trữ trực tuyến, tìm đường, mua hàng, thanh toán, theo dõi sức khỏe…)  + Sự hỗ trợ của máy tính đem lại hiệu quả cao.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. Chốt nội dung kiến thức chính.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập** 3  - HS đọc nội dung trong sgk, sau đó GV kết nối kiến thức giải thích cho nhận xét: Máy tính là công cụ hiệu quả để thu nhận, lưu trữ, xử lí và truyền thông tin. HS hiểu được xử lí thông tin trong máy tính cũng bao gồm các hoạt động xử lí thông tin như ở người.  - Thảo luận trả lời câu hỏi mở: Máy tính giúp con người nâng cao hiệu quả trong những hoạt động nào của quá trình xử lí thông tin?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: đọc nội dung, suy nghĩ trả lời câu hỏi mở và ghi câu trả lời vào vở nháp.  - GV: Quan sát các cá nhân. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn khác.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động cá nhân. Gọi 1 HS trả lời.  Máy tính là thiết bị hỗ trợ con người xử lý thông tin một cách hiệu quả do nó có thể thực hiện nhanh các lệnh, tính toán chính xác, xử lý nhiều dạng thông tin, lưu trữ thông tin với dung lượng lớn và hoạt động bền bỉ.  - GV: Yêu cầu HS khác nhận xét.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về xử lý thông tin trong máy tính  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **2. XỬ LÍ THÔNG TIN TRONG MÁY TÍNH**  **2. Hiệu quả của thực hiện xử lí thông tin của máy tính**  - Máy tính có đủ bốn thành phần thực hiện các hoạt động xử lí thông tin.  - Máy tính là thiết bị hỗ trợ con người xử lí thông tin một cách hiệu quả do nó có thể thực hiện nhanh các lệnh, tính toán chính xác, xử lí nhiều dạng thông tin, lưu trữ thông tin với dung lượng lớn và hoạt động bền bỉ. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

Khắc sâu kiến thức đã học

**b) Nội dung:**

- Củng cố kiến thức đã học thông qua chơi trò chơi và làm bài tập.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi ‘Hộp quà bí mật” bằng các câu hỏi như sau:  Câu 1: Quá trình xử lý thông tin bao gồm mấy hoạt động thành phần?   1. 2 2. 3 3. 4 4. 5   Câu 2: Các bước xử lý thông tin cơ bản là:  A. Biến đổi -> Thu nhận -> truyền thông tin -> lưu trữ thông tin.  B. Thu Nhận -> Truyền thông tin -> Biển đổi -> Lưu trữ thông tin.  C. Thu nhận -> Lưu trữ -> Biến đổi -> Truyền thông tin.  D. Lưu trữ -> Thu nhận -> Biến đổi -> Truyền thông tin.  Câu 3: Quá trình quan sát đường đi của tàu biển được gọi là hoạt động:   1. Xử lý thông tin 2. Thu nhận thông tin 3. Lưu trữ thông tin 4. Truyền thông tin   Câu 4: Chuyển thể từ bài văn xuôi thành văn vần được gọi là:   1. Xử lý thông tin 2. Thu nhận thông tin 3. Lưu trữ thông tin 4. Truyền thông tin   Câu 5: Chức năng của bộ nhớ máy tính là:   1. Thu nhận thông tin 2. Hiển thị thông tin 3. Lưu trữ thông tin 4. Biến đổi thông tin   - GV giới thiệu tên trò chơi.  - GV phổ biến luật chơi, thang điểm chấm. Mỗi đội gồm 6 thành viên thực hiện trả lời các câu hỏi ban tổ chức đưa ra. Đội nào có số câu trả lời đúng nhiều nhất dành chiến thắng. Với phần thưởng được đặt trong 1 hộp quà.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS chia nhóm, cử đại diện trả lời câu hỏi.  - Cử bạn đại diện làm trọng tài nêu câu hỏi và chấm điểm, bầu thư kí ghi điểm cho các nhóm.  - HS tiến hành chơi trò chơi.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Trọng tài: Thông báo hết thời gian hoặc trò chơi kết thúc. Gọi đại diện các nhóm nhận xét chéo. Công bố kết quả -> tổ chức cho nhóm chiến thắng mở quà bí mật  1. C  2. C  3. B  4. A  5. C  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét, đánh giá khả năng nắm kiến thức bài mới thông qua trò chơi. Tuyên dương nhóm nắm chắc kiến thức bài học ngày hôm nay.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi SGK/11:  **- Bài tập 1:** Vật mang tin xuất hiện trong hoạt động nào của quá trình XLTT? Bộ nhớ có coi là vật mang thông tin không?  **- Bài tập 2:** Em hãy phân loại những công việc sau đây theo các hoạt động của quá trình XLTT?  a. Quan sát đường đi của một chiếc tàu biển.  b. Ghi chép các sự kiện của một chuyến tham quan.  c. Chuyển thể một bài văn xuôi thành văn vần.  d. Thuyết trình chủ đề tình bạn trước lớp.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm  Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  1. hoạt động lưu trữ - bộ nhớ ngoài  2.  a) Thu nhận thông tin  b) Lưu trữ thông tin  c) Xử lí thông tin  d) Truyền thông tin  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kết quả cuối cùng. | **\*) TRÒ CHƠI HỘP QUÀ BÍ MẬT**  **Đáp án câu hỏi:**  **1. C**  **2. C**  **3. B**  **4. A**  **5. C**  **Bài tập:**  Bài 1. hoạt động lưu trữ - bộ nhớ ngoài  Bài 2.  a) Thu nhận thông tin  b) Lưu trữ thông tin  c) Xử lí thông tin  d) Truyền thông tin |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng.**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn.

**b) Nội dung:**Vận dụng

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ tự học theo nhóm và cá nhân.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi SGK/11:  1. Giả sử em được đi chơi xa nhà, em hãy phân tích các bước xử lí thông tin liên quan đến việc lên kế hoạch cho chuyển đi.  2. Em hãy liệt kê những lợi ích của máy tính ở một trong các lĩnh vực sau đây để thấy rõ hiệu quả của việc xử lí thông tin bằng máy tính.  a) Y tế b) Giáo dục  c) Âm nhạc d) Hội họa.  e) Xây dựng f) Nông nghiệp  h) Thương mại h) Du lịch.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  **Câu 1:**  - Thu nhận thông tin: Đi đâu? Với ai? Xem gì? Chơi gì? Ăn gì? Mặc gì?...  - Lưu trữ thông tin: Ghi chép nội dung chuẩn bị vào giấy hoặc sổ.  - Xử lí thông tin: Chuyển nội dung phức tạp thành dạng sơ đồ hóa, kẻ bảng… như sơ đồ tư duy chẳng hạn.  - Truyền thông tin: Trao đổi với người lớn, cô giáo để củng cố kế hoạch. Chia sẻ với các bạn trong lớp để hoàn thiện kế hoạch và tổ chức hoạt động.  **Câu 2.**  a. Trong y tế: thăm khám nội soi, siêu âm…  b. Giáo dục: trình chiếu bài giảng, soạn giáo án…  c. Âm nhạc: sáng tác các bài hát, chỉnh tông nhạc…  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. Cho điểm các nhóm làm tốt.  - GV chính xác hoá các câu trả lời của HS.  - GV chốt kiến thức.  - Chuẩn bị bài mới, đọc trước nội dung bài 3 Thông tin trong máy tính. | **Câu 1:**  - Thu nhận thông tin: Đi đâu? Với ai? Xem gì? Chơi gì? Ăn gì? Mặc gì?...  - Lưu trữ thông tin: Ghi chép nội dung chuẩn bị vào giấy hoặc sổ.  - Xử lí thông tin: Chuyển nội dung phức tạp thành dạng sơ đồ hóa, kẻ bảng… như sơ đồ tư duy chẳng hạn.  - Truyền thông tin: Trao đổi với người lớn, cô giáo để củng cố kế hoạch. Chia sẻ với các bạn trong lớp để hoàn thiện kế hoạch và tổ chức hoạt động.  **Câu 2.**  a. Trong y tế: thăm khám nội soi, siêu âm…  b. Giáo dục: trình chiếu bài giảng, soạn giáo án…  c. Âm nhạc: sáng tác các bài hát, chỉnh tông nhạc… |

*Tiết PPCT: 03,04 Ngày soạn: 17/09/2023*

*Tuần : 03,04 Lớp dạy: 6a1, 6a2*

**BÀI 3: THÔNG TIN TRONG MÁY TÍNH**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu: SP Tin 6 Anh Nguyet + Pham Huy**

**1. Về kiến thức:**

Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về:

- Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin với chỉ hai ký hiệu 0 và 1.

- Biết được bit là đơn vị lưu trữ thông tin nhỏ nhất; các bội số của nó là Byte, KB, MB, …

- Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin.

- Biết được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như: đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ,

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi liên quan đến biểu diễn thông tin trong máy tính.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**2.2. Năng lực Tin học:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

– Biết tổ chức và lưu trữ dữ liệu.

– Uớc lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ.

**Năng lực C (NLc):**

- Hình thành được tư duy về mã hóa thông tin.

**Năng lực D (NLd):**

- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập và tự học

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẳn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:**

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

- HS: SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Khởi động.**

**a) Mục tiêu:**

- HS biết được việc có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1.

**b) Nội dung:**

- HS thực hiện biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả biểu diễn các số thành dãy 0 và 1 của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** **và HS** | **Nội dung** |
| **-** GV:Trong cuộc sống hằng ngày con người thường dùng cách nào để diễn đạt suy nghĩ của mình cho người khác hiểu?  - HS: Trong cuộc sống hằng ngày con người thường dùng mười chữ số, nhiều chữ cái và kí hiệu để diễn đạt suy nghĩ của mình cho người khác hiểu.  - GV: Vậy làm thế nào để máy tính hiểu được những dữ liệu chúng ta chuyển cho nó xử lí? Để giải đáp vấn đề này, cô cùng các em thực hiện các nhiệm vụ sau:  **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Yêu cầu HS quan sát hình 1.3 và đọc hướng dẫn để biết cách mã hóa số 4 thành dãy các kí hiệu 0 và 1.  - GV: phân cả lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 5-6 HS, thảo luận nhóm hoàn thành 2 câu hỏi sau:  **Câu 1:** Mã hóa số 3 và số 6 thành dãy các kí tự 0 và 1. Các dãy kí hiệu nhận được có giống nhau không?  **Câu 2:** Để máy tính xử lý được thông tin, thông tin đưa vào cần được chuyển đổi như thế nào?  \* **HS** **thực hiện nhiệm vụ:**  **-** Đọc hướng dẫn để biết cách mã hóa số 4.  - Các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi mà GV đã nêu ra.  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm.  - HS: Đại diện nhóm trưởng của các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động của nhóm mình.  **Câu 1:** Mã hóa số 3 và số 6 thành dãy các kí tự 0 và 1.  + Mã hóa số **3** thành **011**  + Mã hóa số **6 thành** **110**  + Các dãy kí hiệu nhận được là không giống nhau.  **Câu 2:** Để máy tính xử lý được thông tin, thông tin đưa vào cần được chuyển đổi thành các kí hiệu 0 và 1.  - Gọi đại diện nhóm khác nhận xét, đánh giá và đưa ra kết quả thảo luận.  **\* Kết luận, nhận định:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1.  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **Câu 1:**  + Mã hóa số **3** thành **011**  + Mã hóa số **6 thành** **110**  +Các dãy kí hiệu nhận được là không giống nhau.  **Câu 2:** Để máy tính xử lý được thông tin, thông tin đưa vào cần được chuyển đổi thành các kí hiệu 0 và 1. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Biểu diễn thông tin trong máy tính:**

**a) Mục tiêu:**

- Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1.

- Biết về các dạng biểu diễn thông tin: dạng số, dạng hình ảnh, dạng âm thanh, dạng văn bản.

**-** Biết bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.

**b) Nội dung:**

- HS đọc thông tin mục  trang 12 – 13 sgk, trao đổi theo nhóm hoàn thành phiếu học tập 1, hoạt động 2 và câu hỏi củng cố.

**c) Sản phẩm:**

**-** Kết quả thảo luận của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** **và HS** | **Nội dung** |
| - GV: Thông tin cơ bản trong máy tính gồm những dạng nào?  - HS: thông tin cơ bản trong máy tính gồm: văn bản, hình ảnh, âm thanh.  - GV: dữ liệu số, văn bản, hình ảnh, âm thanh được biểu diễn trong máy tính như thế nào? Để trả lời câu hỏi này, cô cùng các em tìm hiểu **1. Biểu diễn thông tin trong máy tính.**  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS đọc và nghiên cứu thông tin trong mục  trang 12-13/SGK.  - Cho HS thảo luận cặp đôi hoàn thành bài tập trong **phiếu học tập 1.**  **? em hãy nghiên cứu thông tin trong mục 1. Biểu diễn thông tin trong máy tính trang 12-13 (SGK) và điền nội dung thích hợp và chỗ có dấu (…) để tìm hiểu về cách biểu diễn thông tin trong máy tính:**  a) Số được chuyển thành dãy gồm các kí hiệu 0 và 1. Được gọi là dãy **..(1)…**  b) Văn bản được chuyển thành dãy bit bằng cách chuyển từng **…(2)…** một.  c) Hình ảnh cũng cần được chuyển đổi thành dãy bít. Mỗi **…(3)…** (pixel) trong một hình ảnh đen trắng được biểu thị thành một bit.  d) Âm thanh cũng cần chuyển đổi thành **…(4)…** Tốc độ rung của âm thanh được ghi lại dưới dạng**…(5)….,** từ đó chuyển thành dãy bit.  \* **HS Thực hiện nhiệm vụ 1:**  HS: Thực hiện yêu cầu của GV đưa ra.  HS: Cặp đôi HS thảo luận, thống nhất kết quả thảo luận ghi vào phiếu học tập.  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn.  **\* Báo cáo thảo luận 1:**  - HS: đại diện 1 vài thành viên trong các cặp đôi lên báo cáo kết quả hoạt động của nhóm mình.  **1. bit**  **2. kí tự**  **3. điểm ảnh.**  **4. dãy bit.**  **5. giá trị số.**  - HS: các cặp đôi còn lại nhận xét, bổ sung, đối chiếu kết quả thực hiện của nhóm mình với các cặp đôi đã được trình bày trên bảng.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả HS đã báo cáo.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  GV cho HS thảo luận nhóm với từ 5 -6 HS, thực hiện trò chơi “**Ai nhanh hơn?**”, yêu cầu các nhóm trả lời 2 câu hỏi sau:  **Câu 1:** Em hãy chuyển mỗi dòng trong hình vẽ thành một dãy bit.    **Câu 2:** Em hãy chuyển cả hình vẽ thành dãy bit bằng cách nối các dãy bit của các dòng lại với nhau (từ trên xuống dưới)  \* **HS Thực hiện nhiệm vụ 2:**  HS: Thực hiện yêu cầu của GV đưa ra.  HS: Phân công nhóm trưởng, thư kí, người trình bày.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả thảo luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo thảo luận 2:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm.  - Các nhóm HS báo cáo kết quả hoạt động của nhóm mình.  **Câu 1:** Chuyển mỗi dòng trong hình vẽ thành một dãy bit.  - Dòng 1: 01100110  - Dòng 2: 10011001  - Dòng 3: 10000001  - Dòng 4: 01000010  - Dòng 5: 01000010  - Dòng 6: 00100100  - Dòng 7: 00111100  - Dòng 8: 00011000  **Câu 2:** Chuyển cả hình vẽ thành dãy bit.  01100110 10011001 10000001 01000010 01000010 00100100 00111100 00011000  GV: Yêu cầu các HS khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả HS đã báo cáo.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Cho HS thảo luận cặp đôi và đại diện 1 HS trả lời, hoàn thành hai câu hỏi sau:  1. Dãy bit là gì?  A. Là dãy những kí hiệu 0 và 1.  B. Là âm thanh phát ra thừ máy tính.  C. Là một dãy chỉ gồm 2 chữ số 2.  D. Là dãy những chữ số từ 0 đến 9.  2. Máy tính sử dụng dãy bit để làm gì?  A. Biểu diễn các số.  B. Biểu diễn văn bản.  C. Biểu diễn hình ảnh, âm thanh.  D. Biểu diễn số, văn bản, hình ảnh, âm thanh.  \* **HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  HS : Các cặp đôi HS thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào bảng nhóm, phân công 1 thành viên chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận.  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn.  **\* Báo cáo thảo luận 3:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  - HS : báo cáo kết quả hoạt động của nhóm mình.  Câu 1: A  Câu 2: D  - HS: các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS: các cặp đôi đối chiếu kết thực hiện của nhóm mình với các cặp đôi đã được trình bày trên bảng.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về biểu diễn thông tin trong máy tính  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **1. Biểu diễn thông tin trong máy tính**  **Đáp án phiếu học tập 1:**  **1. bit**  **2. kí tự**  **3. điểm ảnh.**  **4. dãy bit.**  **5. giá trị số.**  **Hoạt động 2:**  **Câu 1:** Chuyển mỗi dòng trong hình vẽ thành một dãy bit.  - Dòng 1: 01100110  - Dòng 2: 10011001  - Dòng 3: 10000001  - Dòng 4: 01000010  - Dòng 5: 01000010  - Dòng 6: 00100100  - Dòng 7: 00111100  - Dòng 8: 00011000  **Câu 2:** Chuyển cả hình vẽ thành dãy bit.  01100110 10011001 10000001 01000010 01000010 00100100 00111100 00011000  - Thông tin được biểu diễn trong máy tính bằng dãy các bit. Mỗi bit là một kí hiệu 0 hoặc 1, hay còn được gọi là chữ số nhị phân.  - Bit là đơn vị đo nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.    Câu 1: A  Câu 2: D |

**Hoạt động 2.2: Đơn vị đo thông tin.**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin.

- Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ,..

**b) Nội dung:**

- HS đọc thông tin sgk và thảo luận nhóm hoàn thành câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**-** Kết quả thảo luận nhóm của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** **và HS** | **Nội dung** |
| **-** GV:Thông tin trong máy tính được tổ chức và lưu trữ như thế nào?  - HS: Thông tin trong máy tính được tổ chức dưới dạng các tệp, các tệp được lưu trữ trong các thiết bị nhớ như thẻ nhớ, ổ đĩa cứng,..  - GV: để đo lượng thông tin được lưu trữ trong máy tính, người ta dùng đơn vị đo nào và độ lớn của chúng?  Để trả lời câu hỏi này, cô cùng các em thực hiện nhiệm vụ sau:  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS đọc thông tin mục trang 13-14 sgk và quan sát bảng 1.3, thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  **Câu 1:** Nêu tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin?  **Câu 2:** Bộ nhớ có mấy loại? Trình bày khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, thẻ nhớ, ổ đĩa cứng?  **\* HS** **thực hiện nhiệm vụ 1:**  HS: Phân công nhóm trưởng, thư kí, người trình bày.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả thảo luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo thảo luận 1:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  - HS: đại diện nhóm trưởng báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình.  **Câu 1:** Để đo dung lượng lưu trữ trên máy tính, người ta dùng đơn vị đo là:  B, KB, MB, GB, TB.  - Độ lớn của các đơn vị đo:    **Câu 2:**  - Bộ nhớ có hai loại: bộ nhớ trong và bộ nhớ ngoài.  - Bộ nhớ trong: **2 GB** đến **16 GB.**  - Bộ nhớ ngoài:  + đĩa quang compact: **700MB**  + đĩa quang kĩ thuật số: **4,7 GB** đến **17GB.**  + Ổ đĩa cứng: **vài trăm GB** đến **vài TB**  + Thẻ nhớ**: hàng trăm GB** hoặc cao hơn.  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. Chốt nội dung kiến thức chính.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS thực hiện cá nhân và trả lời hai câu hỏi sau và ghi vào vở:    **Câu 1:** Em hãy quan sát hình sau và cho biết thông tin về dung lượng của từng ổ đĩa?    **Câu 2:** Em hãy quan sát hình sau và cho biết dung lượng của mỗi tệp?    **\* HS** **thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS: thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.  - GV: Quan sát HS thực hiện, hỗ trợ các cá nhân gặp khó khăn.  **\* Báo cáo kết quả 2:**  - GV: Gọi vài học sinh lên báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình.  **Câu 1:** Thông tin về dung lượng của từng ổ đĩa:  - Ổ đĩa C: 109 GB  - Ổ đĩa E: 111 GB  **Câu 2:** Dung lượng của mỗi tệp:  - GV: Yêu cầu các HS khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các bạn khác.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về đơn vị đo thông tin.  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **2. Đơn vị đo thông tin:**  - Một số đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin là: B, KB, MB, GB, TB    - Bộ nhớ trong: **2 GB** đến **16 GB.**  - Bộ nhớ ngoài:  + đĩa quang compact: **700MB**  + đĩa quang kĩ thuật số: **4,7 GB** đến **17GB.**  + Ổ đĩa cứng: **vài trăm GB** đến **vài TB**  + Thẻ nhớ**: hàng trăm GB** hoặc cao hơn.  Đáp án phần  **Câu 1:** Thông tin về dung lcượng của từng ổ đĩa:  - Ổ đĩa C: 109 GB  - Ổ đĩa E: 111 GB  - Ổ đĩa F: 169 GB  - Ổ đĩa G: 186 GB  **Câu 2:** Dung lượng của mỗi tệp:   |  |  | | --- | --- | | **Tên tệp** | **Dung lượng** | | IMG\_0013.jpg | 372 KB | | IMG\_0014.jpg | 408 KB | | IMG\_0023.Jpg | 482 KB | | IMG\_0024.jpg | 512KB | | IMG\_0038.Jpg | 1,095 KB | | IMG\_0039.jpg | 1,108 KB | | IMG\_0041.jpg | 846 KB | | IMG\_0046.jpg | 488 KB | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

- Hiểu về cách chuyển đổi giữa các đơn vị đo dung lượng nhớ.

- Thực hiện được chuyển đổi từ một đơn vị lớn sang các đơn vị nhỏ hơn. Hoặc ngược lại.

**b) Nội dung:**

- HS thảo luận nhóm hoàn thành phần luyện tập trang 15 sgk.

**c) Sản phẩm:** Đáp án các bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** **và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 5-6 học sinh.  - Yêu cầu các nhóm thảo luận và trả lời các câu hỏi sau:    **Câu 1**. Một GB xấp xỉ bao nhiêu byte?  A. Một nghìn byte B. Một triệu byte  C. Một tỉ byte D. Một nghìn tỉ byte  **Câu 2.** Giả sử một bức ảnh chụp bằng một máy ảnh chuyên nghiệp có dung lượng khoảng 12MB. Vậy một thẻ nhớ 16GB có thể chứa bao nhiêu bức ảnh như vậy?  **Câu 3.** Giả sử mỗi phút âm thanh chiếm 1MB, mỗi bài hát trung bình có độ dài 6 phút. Một chiếc điện thoại thông minh còn trống 8GB sẽ chứa được bao nhiêu bài hát như vậy?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả thảo luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo thảo luận:**  - HS: đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động của nhóm mình.  **Câu 1**. C  **Câu 2**. khoảng 1365 bức ảnh  =16. 1024:12  **Câu 3**. khoảng 1365 bài hát  =(8.1024) : (6.1)  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  **\* Kết luận, nhận định:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. Khen, đánh giá cho điểm những nhóm làm tốt. Động viên những nhóm làm chưa tốt cần cố gắng hơn. | **Đáp án:**  **Câu 1**. C  **Câu 2**. khoảng 1365 bức ảnh  **Câu 3**. khoảng 1365 bài hát  **Câu 4**. khoảng 341 bộ phim |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

**-** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống trong thực tế.

**b) Nội dung:**

**-** Thực hiện ngoài giờ lên lớp hoàn thành bài 1,2 trang 15 sgk theo nhóm học tập.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài tập 1, 2 sgk trang 15.

**d)Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** **và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ngoài giờ lên lớp bài tập 1, 2 SGK trang 15.  **Câu 1:** Em hãy kiểm tra dung lượng các ổ đĩa của máy tính mà em đang sử dụng.  **Câu 2:** Thực hiện tương tự Hoạt động 1 với dãy số từ 0 đến 15 để tìm mã hóa của các số từ 8 đến 15 và đưa ra nhận xét.  **\*HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm bài tập, thống nhất kết quả ghi vào vở, chuẩn bị báo cáo kết quả vào đầu giờ của tiết tiếp theo.  **\* Báo cáo thảo luận:**  - HS: đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động của nhóm mình.  **Câu 1:**  HS ghi lại dung lượng của các ổ đĩa máy tính mà mình đang sử dụng.  **Câu 2:** Mã hóa các số từ số 8 đến 15 là:  => Nhận xét: để chuyển các số từ 8 đến 15 ta cần dùng 4 bit.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả HS đã báo cáo. | image34 **Vận dụng:**  **Câu 1:**  HS ghi lại dung lượng của các ổ đĩa máy tính mà mình đang sử dụng.  **Câu 2:**  Mã hóa các số từ số 8 đến 15 là:  **Số 8: 1000**  **Số 9: 1001**  **Số 10: 1010**  **Số 11: 1011**  **Số 12: 1100**  **Số 13: 1101**  **Số 14: 1110**  **Số 15: 1111**  => Nhận xét: để chuyển các số từ 8 đến 15 ta cần dùng 4 bit. |

*Tiết PPCT: 05,06 Ngày soạn: 01/10/2023*

*Tuần : 05,06 Lớp dạy: 6a1, 6a2*

**BÀI 4: MẠNG MÁY TÍNH**

Thời gian thực hiện: (02 tiết)

**I. Mục tiêu: SP Tin 6 Anh Nguyet + Pham Huy**

**1. Về kiến thức:**

- Biết được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống.

- Kể được tên những thành phần chính của một mạng máy tính.

- Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ trong cuộc sống hằng ngày.

**2.2. Năng lực Tin học:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

- Sử dụng mạng máy tính phục vụ cuộc sống và học tập.

**Năng lực C (NLc):**

- Nhận biết được các thiết bị khác nhau trong một mạng máy tính

- Nêu được ví dụ lợi ích có được từ mạng máy tính

- Nêu được một số thiết bị đầu cuối trong thực tế

**Năng lực D (NLd):**

- Sử dụng được môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, cập nhật và lưu trữ thông tin phù hợp với mục tiêu học tập, chủ động khai thác các tài nguyên hỗ trợ học tập.

**Năng lực E (NLe):**

**-** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:**

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo, phiếu học tập

- HS: SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

- Kể ra được một số mạng lưới, giống như mạng giao thông đường bộ.

- Biết mỗi mạng lưới đó vận chuyển những gì và biết điểm chung của những mạng lưới đó.

**b) Nội dung:**

- Mạng máy tính giống như giao thông đường bộ

**c) Sản phẩm:**

- Kể tên được một số mạng lưới.

- Đặc điểm chung và lợi ích của các mạng lưới.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - HS phân vai đọc phần khởi động  - Thảo luận nhóm gồm 6 HS và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành hoạt động 1:  Câu 1. Em hãy kể ra một số mạng lưới, giống như mạng giao thông đường bộ.  Câu 2. Những gì được vận chuyển trên mạng lưới đó?  Câu 3. Em hãy chọn các phương án trả lời đúng.  Điểm chung của những mạng lưới đó là gì?  A. Có nhiều thành viên.  B. Chia sẻ tài nguyên,  c. Kết nối các thành viên.  D. Có nhiều đường cắt nhau.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Đọc đoạn hội thoại SGK trang 16.  - Trao đổi thảo luận tìm ra câu trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1. Một số mạng lưới giống mạng giao thông đường bộ như: mạng đường sắt, mạng đường thủy, mạng ống nước, mạng tải điện, ...  Câu 2. Các mạng lưới vận chuyển:  - Mạng đường sắt vận chuyển hàng hóa, hành khách.  - Mạng đường thủy vận chuyển hàng hóa, hành khách.  - Mạng ống nước vận chuyển nước.  - Mạng tải điện vận chuyển điện.  Câu 3. Đặc điểm chung của những mạng lưới đó là:  B. Chia sẻ tài nguyên.  C. Kết nối các thành viên.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về các trình duyệt web và các bước thực hiện trình duyệt.  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **Hoạt động 1:**  1. Một số mạng lưới giống mạng giao thông đường bộ như: mạng đường sắt, mạng đường thủy, mạng ống nước, mạng tải điện, ...  2. Các mạng lưới vận chuyển:  - Mạng đường sắt vận chuyển hàng hóa, hành khách.  - Mạng đường thủy vận chuyển hàng hóa, hành khách.  - Mạng ống nước vận chuyển nước.  - Mạng tải điện vận chuyển điện.  3. Đặc điểm chung của những mạng lưới đó là:  B. Chia sẻ tài nguyên.  C. Kết nối các thành viên. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Mạng máy tính là gì?**

**a) Mục tiêu:**

- Biết được mạng máy tính là gì và lợi ích của mạng máy tính.

**b) Nội dung:** Mạng máy tính

**c) Sản phẩm:**

- Mạng máy tính và lợi ích mạng máy tính

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - HS đọc thông tin  - Thảo luận nhóm 6 HS và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành hoạt động 2.  Câu 1. Mạng máy tính chia sẻ những gì?  Câu 2. Em hãy nêu một số ví dụ về lợi ích của mạng máy tính.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1. Mạng máy tính chia sẻ dữ liệu, các thiết bị trên mạng.  Câu 2. Một số ví dụ về lợi ích của mạng máy tính: gửi thư nay thành gửi email với thời gian nhanh chóng, kịp thời. Các giao dịch ngân hàng có thể tiến hành qua mạng rất tiện lợi. Việc dùng chung một thiết bị in qua mạng sẽ đem lại hiệu quả tiết kiệm chi phí cho đơn vị như trường học, doanh nghiệp.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định 1**  - Đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh và kết quả HS đã báo cáo. | **1. Mạng máy tính là gì?**  **Hoạt động 2:**  1. Mạng máy tính chia sẻ dữ liệu, các thiết bị trên mạng.  2. Một số ví dụ về lợi ích của mạng máy tính: gửi thư nay thành gửi email với thời gian nhanh chóng, kịp thời. Các giao dịch ngân hàng có thể tiến hành qua mạng rất tiện lợi. Việc dùng chung một thiết bị in qua mạng sẽ đem lại hiệu quả tiết kiệm chi phí cho đơn vị như trường học, doanh nghiệp.  - Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau tạo thành một mạng máy tính. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Thảo luận nhóm 6 HS và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành : Em hãy thảo luận với bạn về lợi ích của mạng máy tính.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Lợi ích của mạng máy tính là:  + Vì có thể dùng chung tài nguyên nên có thể giảm thiểu máy in, số lượng ổ đĩa, cấu hình của máy.  + Thông tin có thể nhập vào một máy và dùng chung cho mọi máy khác trong mạng.  + Bảo trì máy đơn giản: khi nâng cấp chỉ cần nâng cấp máy chủ mà không cần phải thay đổi toàn bộ máy tính và các thiết bị.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định 2**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về mạng máy tính  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | Lợi ích của mạng máy tính là:  + Vì có thể dùng chung tài nguyên nên có thể giảm thiểu máy in, số lượng ổ đĩa, cấu hình của máy;  + Thông tin có thể nhập vào một máy và dùng chung cho mọi máy khác trong mạng;  + Bảo trì máy đơn giản: khi nâng cấp chỉ cần nâng cấp máy chủ mà không cần phải thay đổi toàn bộ máy tính và các thiết bị.  - Lợi ích của mạng máy tính: người sử dụng có thể liên lạc với nhau để trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu và dùng chung các thiết bị trên mạng. |

**Hoạt động 2.2: Các thành phần của mạng máy tính**

**a) Mục tiêu:**

- Biết và kể tên được các thành phần chính của một mạng máy tính.

**b) Nội dung:** Thành phần của mạng máy tính

**c) Sản phẩm:**

- Các thành phần chính của mạng máy tính

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Thảo luận nhóm 6 HS và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành hoạt động 3.  Câu 1. Quan sát Hình 2.1 và cho biết những thiết bị nào đang được nối vào mạng?  Câu 2. Các thiết bị đó được nối với nhau như thế nào? Qua các thiết bị trung gian nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1. Những thiết bị nào đang được nối vào mạng: máy tính để bàn, máy chủ, máy quét, máy in, máy tính xách tay, điện thoại di động.  Câu 2. Các thiết bị đó được nối với nhau bằng đường truyền và kết nối không dây. Qua các thiết bị trung gian như bộ chuyển mạch, bộ định tuyến không dây.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định 1**  - GV nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả HS đã báo cáo. | **2. Các thành phần chính của mạng máy tính**  1. Những thiết bị nào đang được nối vào mạng: máy tính để bàn, máy chủ, máy quét, máy in, máy tính xách tay, điện thoại di động.  2. Các thiết bị đó được nối với nhau bằng đường truyền và kết nối không dây. Qua các thiết bị trung gian như bộ chuyển mạch, bộ định tuyến không dây.    Các thành phần chính của mạng máy tính  - Các thiết bị đầu cuối (máy tính, điện thoại, máy in, máy ảnh,…)  - Các thiết bị kết nối (đường truyền dữ liệu, bộ chia, bộ chuyển mạch, bộ định tuyến,…)  - Phần mềm mạng (ứng dụng truyền thông và phần mềm điều khiển quá trình truyền dữ liệu) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - HS đọc thông tin  - Thảo luận nhóm 6 HS và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành  Câu 1. Em hãy quan sát Hình 2.1 và cho biết:  a) Tên các thiết bị đầu cuối.  b) Tên các thiết bị kết nối.  Câu 2. Em hãy kể tên một số cách kết nối không dây mà em biết.  Câu 3. Em hãy nêu ví dụ cho thấy kết nối không dây thuận tiện hơn kết nối có dây.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1. a) Tên các thiết bị đầu cuối: máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy in, máy quét, máy chủ, điện thoại thông minh.  b) Tên các thiết bị kết nối: bộ chuyển mạch, bộ định tuyến không dây.  Câu 2. Một số cách kết nối không dây: bluetooth, wireless USB, Wi-fi…  Câu 3. Ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây: khi đang đi xe khách, đi du lịch…, người dùng vẫn có thể dùng điện thoại để truy cập Internet.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định 2**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về các thành phần của mạng máy tính  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | 1. a) Tên các thiết bị đầu cuối: máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy in, máy quét, máy chủ, điện thoại thông minh.  b) Tên các thiết bị kết nối: bộ chuyển mạch, bộ định tuyến không dây.  2. Một số cách kết nối không dây: bluetooth, wireless USB, Wi-fi…  3. Ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây: khi đang đi xe khách, đi du lịch…, người dùng vẫn có thể dùng điện thoại thông minh để truy cập Internet. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

- Khắc sâu kiến thức đã học.

**b) Nội dung:**

- Thảo luận cặp đôi hoàn thành bài tập 1, 2 SGK trang 19 và phiếu học tập.

**c) Sản phẩm:**

- Đáp án bài tập 1, 2 SGK trang 19 và phiếu học tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Thảo luận cặp đôi hoàn thành bài tập 1, 2 SGK trang 19.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - Trao đổi thảo luận tìm ra câu trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  1. A, C  2. B, C  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định 1**  - GV nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả HS đã báo cáo. | **Luyện tập**  1. A, C  2. B, C |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Thực hiện cá nhân, sau đó thảo luận cặp đôi để làm bài trên phiếu học tập.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - HS thực hiện cá nhân, sau đó thảo luận cặp đôi để tự sửa lỗi cho nhau.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - Gọi một số học sinh trả lời các câu hỏi, mời học sinh khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2**  - GV trình chiếu đáp án của phiếu học tập, nêu và phân tích kiến thức đã học.  - Nhận xét kết quả, đánh giá và cho điểm học sinh (nếu cần). | **PHIẾU HỌC TẬP**  Đánh dấu ✓ vào ô hợp lý:   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Các ví dụ** | Chia sẻ thông tin | Chia sẻ phần cứng | Thiết bị đầu cuối | Thiết bị kết nối | | | Phần mềm mạng | | Khác | Đường truyền dữ liệu | | | Có dây | Không dây | | Dùng chung máy in | 🞎 | 🗹 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | | Máy tính bàn | 🞎 | 🞎 | 🗹 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | | Điện thoại | 🞎 | 🞎 | 🗹 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | | Cáp quang | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🗹 | 🞎 | 🞎 | | Sóng Wifi | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🗹 | 🞎 | | Tivi | 🞎 | 🞎 | 🗹 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | | Bộ định tuyến | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🗹 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | | Bộ chuyển mạch | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🗹 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | | Thư điện tử | 🗹 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🗹 | | Zalo | 🗹 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🗹 | | Facebook | 🗹 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🗹 | |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống thực tế.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện ngoài giờ lên lớp hoàn thành bài tập 1, 2 SGK trang 19.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài tập 1, 2 SGK trang 19.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ngoài giờ lên lớp bài tập 1, 2 SGK trang 19.  Câu 1. Phòng thư viện của trường có 5 máy tính cần kết nối thành một mạng. Có thể có nhiều cách kết nối ví dụ như Hình 2.3 sgk.  Em hãy vẽ hai cách khác để kết nối chúng thành một mạng.  Câu 2. Nhà bạn An có điện thoại di động của bố, của mẹ và một máy tính xách tay đang cùng truy cập mạng Internet. Theo em, các thiết bị đó có đang được kết nối thành một mạng máy tính không? Nếu có, em hãy chỉ ra các thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  HS làm bài tập, thống nhất kết quả ghi vào vở, chuẩn bị báo cáo kết quả vào đầu giờ của tiết tiếp theo.  **\* Báo cáo, thảo luận**  HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.  Câu 1.  - Cách 1:    - Cách 2:    Câu 2.  - Các thiết bị đó có được kết nối thành một mạng máy tính.  - Các thiết bị đầu cuối: điện thoại di động, máy tính xách tay  - Các thiết bị kết nối: bộ định tuyến không dây  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả HS đã báo cáo. | **Vận dụng**  1.  - Cách 1:    - Cách 2:    2.  - Các thiết bị đó có được kết nối thành một mạng máy tính.  - Các thiết bị đầu cuối: điện thoại di động, máy tính xách tay  - Các thiết bị kết nối: bộ định tuyến không dây |

*Tiết PPCT: 07 Ngày soạn: 15/10/2023*

*Tuần : 07 Lớp dạy: 6a1, 6a2*

**CHỦ ĐỀ 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET**

**BÀI 5: INTERNET**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. Mục tiêu: SP Tin 6 Anh Nguyet + Pham Huy**

**1. Về kiến thức:**

- Biết internet là gì?

- Biết một số đặc điểm và lợi ích chính của internet.

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có khả năng giải quyết các tình huống mà GV đưa ra. Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ trong cuộc sống hằng ngày.

**2.2. Năng lực Tin học:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

- Phát triển năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

**Năng lực C (NLc):**

- Nhận biết được sự khác nhau giữa mạng máy tính và Internet.

- Nêu được ví dụ minh hoạ về lợi ích và ứng dụng của Internet với đời sống.

- Phân biệt được các đặc điểm của Internet.

**Năng lực D (NLd):**

- Sử dụng Internet phục vụ cho học tập và trong đời sống.

**Năng lực E (NLe):**

**-**Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- GV: Máy vi tính, bảng nhóm, phiếu học tập.

- HS: Đọc trước bài.

**2. Học liệu:**

- SGK, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

- Đặt vấn đề về việc cuộc sống.

**b) Sản phẩm dự kiến:**

- Ích lợi của việc sử dụng Internet trong xã hội hiện nay.

**c) Sản phẩm:**

- Ích lợi của Internet.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ, học sinh trình bày, đánh giá và nhận xét.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Cho hai học sinh đọc đoạn hội thoại giữa An và Minh (SGK/22)  **An:** Mẹ tớ có việc gấp cần đi công tác ngay nhưng bận quá chưa đến phòng vé máy bay được.  **Minh:** Quá đơn giản! Mẹ bạn có thể đặt vé trên Internet mà không cần phải đến phòng vé.  **An:** Vậy sao?  **Minh:** Các hãng hàng không đăng tin về các chuyến bay, giờ bay, giá vé trên Internet. Nếu có kết nối Internet, mẹ bạn có thề tìm thông tin, đặt vé và thanh toán.  **An:** Thật tuyệt! Tớ sẽ nói với mẹ ngay.  - Mỗi học sinh làm việc độc lập, suy nghĩ trả lời câu hỏi trong thời gian quy định.  1.Em có thường xuyên sử dụng mạng Internet?  2. Chúng ta có thể truy cập Internet để làm những công việc nào dưới đây?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Những công việc có sử dụng internet** | **Có** | **Không** | | Quét nhà |  |  | | Đọc báo |  |  | | Xem phim |  |  | | Nấu cơm |  |  | | Đặt vé máy bay |  |  |   **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày Sản phẩm dự kiến trước lớp.  1.HS trả lời theo ý kiến cá nhân.  2.Chúng ta có thể truy cập Internet để: Đọc báo, xem phim, đặt vé máy bay, vé tàu,…  **\* Kết luận, nhận định**  - Sau khi thực hiện xong bài tập giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả học sinh đã báo cáo. Từ đó hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu Sản phẩm dự kiến cho hoạt động hình thành kiến thức mới. | 1.HS trả lời theo ý kiến cá nhân.  2.Chúng ta có thể truy cập Internet để: Đọc báo, xem phim, đặt vé máy bay, vé tàu,…  Chúng ta có thể truy cập Internet để: Đọc báo, xem phim, đặt vé máy bay, vé tàu, học tập, trò chuyện cùng bạn bè trên các ứng dụng của mạng xã hội, mua hàng, tìm kiếm thông tin,… |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Internet**

**a) Mục tiêu:**

- Biết được khái niệm Internet.

- Kể ra được những việc người sử dụng có thể làm khi truy cập Internet.

**b) Sản phẩm dự kiến:**

**-** Internet.

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm Internet.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  1. Em hiểu Internet là gì?  2. Làm cách nào để máy tính có thể kết nối vào Internet?  3. Người sử dụng có thể làm được những gì khi truy cập Internet?  4. Có các dịch vụ phổ biến nào trên Internet?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1. Internet là một mạng máy tính toàn cầu được tạo ra để liên kết các máy tính và các mạng máy tính.  Câu 2. Để máy tính kết nối vào Internet thì người sử dụng cần đăng kí với nhà cung cấp dịch vụ Internet (VNPT, FPT, Viettel,…) để được hỗ trợ và cấp quyền truy cập Internet  Câu 3. Người sử dụng truy cập vào Internet để tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ, trao đổi,trao đổi thông tin, học ngoại ngữ, xem tin tức, nghe nhạc, xem phim, chơi game, mua bán hàng…  Câu 4. Các dịch vụ thông tin phổ biến trên Internet: mạng thông tin toàn cầu (WWW), tìm kiếm, thư điện tử, điện thoại, mạng xã hội, kinh doanh, lưu trữ, trao đổi thông tin,…  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét và đánh giá kết quả, chọn ra các câu trả lời chính xác và khái quát.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Thảo luận nhóm đôi và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành câu hỏi (SGK/21):  Em hãy thay các số trong mỗi câu bằng một từ hoặc cụm từ thích hợp?   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Chia sẻ | Liên kết | Thông tin | Dịch vụ | Mạng |   a) Internet là mạng ...(1)... các ...(2)... máy tính trên khắp thế giới.  b) Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, ...(3)... lưu trữ và trao đổi ...(4)...  c) Có nhiều ...(5)... thông tin khác nhau trên Internet.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  a) Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới.  b) Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ và trao đổi thông tin.  c) Có nhiều dịch vụ thông tin khác nhau trên Internet  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về Internet  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **1. Internet:**  - Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới.  - Máy tính có thể được kết nối với Internet thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet.  - Người sử dụng truy cập vào Internet để tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ và trao đổi thông tin.  - Có nhiều dịch vụ thông tin khác nhau trên Internet: WWW, tìm kiếm, thư điện tử,… |

**Hoạt động 2.2: Đặc điểm của internet**

**a) Mục tiêu:**

- Các đặc điểm của Internet

**b) Sản phẩm dự kiến:**

- Đặc điểm của internet.

**c) Sản phẩm:**

- Đặc điểm chính của internet.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - HS đọc phần Sản phẩm dự kiến trong sách giáo khoa. Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành câu hỏi sau:  Câu 1. Internet có những đặc điểm nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọiđại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  + Internet là mạng máy tính được hàng tỉ người sử dụng trên toàn cầu 🡪*Tính toàn cầu.*  + Người sử dụng có thể nhận và gửi thông tin🡪*Tính tương tác.*  + Tốc độ truy cập Internet cực nhanh nên việc tìm kiếm, trao đổi và chia sẻ thông tin rất thuận tiện, có thể thực hiện trong mọi lúc, ở mọi nơi 🡪*Tính dễ tiếp cận.*  + Internet là một 1 mạng máy tính công cộng toàn cầu, không thuộc sở hữu hay do bất kì một tổ chức hoặc cá nhân nào điều hành🡪*Tính không chủ sở hữu.*  +Thông tin trên Internet rất đa dạng, phong phú, được cập nhật thường xuyên, có thể sao lưu dễ dàng với dung lượng lớn🡪*Tính cập nhật + tính lưu trữ*.  + Truyền tải thông tin dạng văn bản, âm thanh, hình ảnh, video,... *🡪 Tính đa dạng.*  + Người sử dụng không nhất thiết phải dùng tên thật, có thể dùng một tên tuỳ chọn.🡪 *Tính ẩn danh.*  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  - GV có thể giới thiệu thêm một số đặc điểm khác của Internet:  + Đường truyền Internet có tốc độ gần bằng tốc độ ánh sáng, các gói dữ liệu di chuyển trên Internet khoảng 200000 km/giây.  + Tính tương tác hai chiều của Internet: (người sử dụng có thể tiếp nhận và cung cấp thông tin) vượt trội hơn hẳn so với sự tiếp nhận thông tin một chiều trên sách báo, phát thanh, truyền hình.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét và đánh giá kết quả, chọn ra các câu trả lời chính xác và khái quát.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau(SGK/21):  Em hãy chọn các phương án trả lời đúng.  1. Internet có những đặc điềm chính nào dưới đây:  A. Tính toàn cầu. B. Tính tương tác.  C. Tính lưu trữ.D. Tính dễ tiếp cận.  E. Tính đa dạng. F. Tính không chủ sở hữu.  2. Trong các đặc điểm của Internet, em thích đặc điểm nào nhất?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  1.Đáp án A, B, D, F.  2. HS trả lời theo ý kiến cá nhân.  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về đặc điểm của Internet  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **2. Đặc điểm của internet**  Câu 1: Đặc điểm chính của Internet: tính toàn cầu, tính tương tác, tính dễ tiếp cận, tính không chủ sở hữu.  Đặc điểm chính của Internet: tính toàn cầu, tính tương tác, tính dễ tiếp cận, tính không chủ sở hữu.  1.Đáp án A, B, D, F.  2. HS trả lời theo ý kiến cá nhân.  - Đặc điểm chính của Internet: tính toàn cầu, tính tương tác, tính dễ tiếp cận, tính không chủ sở hữu. |

**Hoạt động 2.3: Một số lợi ích của Internet**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được các lợi ích của Internet.

- Thấy được sức ảnh hưởng lớn của Internet tới các hoạt động trong cuộc sống.

- Nhận thức được Internet có vai trò quan trọng và góp phần thúc đẩy xã hội phát triển.

**b) Sản phẩm dự kiến:**

- Lợi ích của internet.

**c) Sản phẩm:**

- Những lợi ích mà Internet đem lại.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1. Em thường sử dụng Internet để làm những việc gì?  Câu 2. Internet có những lợi ích gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  1.HS trả lời theo ý kiến cá nhân.  Screenshot_1  2. Những lợi ích mà Internet đem lại:  - Internet là nguồn cung cấp thông tin khổng lồ cùng nhiều dịch vụ thông tin như: hệ thống các trang web (WWW), tìm kiếm, thư điện tử,...  - Internet cung cấp môi trường làm việc từ xa giúp đào tạo, hội thảo, học tập, kinh doanh, tư vấn, kết nối mọi người vượt qua khoảng cách và mọi sự khác biệt,...  🡪 Trong một xã hội hiện đại và toàn cầu hoá như hiện nay thì Internet là một phần không thể thiếu, nó ảnh hưởng đến mọi mặt trong cuộc sống và mang đến những lợi ích to lớn cho nhân loại.  -GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét và đánh giá kết quả, chọn ra các câu trả lời chính xác và khái quát.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Mỗi học sinh làm việc độc lập, suy nghĩ trong thời gian quy định.  Em hãy chọn những việc mà em có thể làm với Internet:   1. Học ngoại ngữ trực tuyến với người nước ngoài. 2. Nghe nhạc, xem phim trực tuyến. 3. Chơi đá bóng đề nâng cao sức khỏe. 4. Tìm kiếm tư liệu học tập. 5. Gửi thư điện tử.   **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Gọi HS trình bày.  Đáp án: A, B, D, E.  - GV: Yêu cầu các HS khác nhận xét.  - HS: Nhận xét, đánh giá.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về một số lợi ích của Internet  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **3. Một số lợi ích của Internet**  **Lợi ích của Intenet**  - Trao đổi thông tin nhanh chóng và hiệu quả  - Học tập và làm việc trực tuyến  - Cung cấp nguồn tài liệu phong phú  - Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống  - Là phương tiện vui chơi, giải trí  **Những lợi ích mà Internet đem lại:**  - Trao đổi thông tin nhanh chóng, hiệu quả.  - Học tập và làm việc trực tuyến.  - Cung cấp nguồn tài nguyên phong phú.  - Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống.  - Là phương tiện vui chơi, giải trí.  - Liên hệ: Nhờ có Internet mà trong đại dịch Covid mọi người vẫn có thể làm việc online, học tập, mua bán hàng, liên lạc được với nhau,…. mà chi phí lại rất rẻ |

**Hoạt động 3: Luyện tập.**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố khắc sâu kiến thức đã học.

**b) Sản phẩm dự kiến:**

- Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:**

- Khắc sâu kiến thức đã học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi trong phiếu bài tập sau:  Em hãy chọn phương án đúng:  Câu 1. Internet là mạng:  A. Kết nối hai máy tính với nhau  B. Kết nối các máy tính trong một nước  C. Kết nối các máy tính trong một thành phố  D. Kết nối nhiều mạng máy tính trên phạm vi toàn cầu  Câu 2. Làm thế nào để máy tính kết nối được Internet?  A. Người dùng cần đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt Internet  B. Người dùng cần đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được cấp quyền truy cập Internet  C. Người dùng cần đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet  D. Máy tính cần kết nối với Wifi.  Câu 3. Internet ra đời vào năm nào?  A. 1965  B. 1969  C. 1978  D. 1984  Câu 4. Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?  A. Laptop  B. Máy tính  C. Mạng máy tính  D. Internet  Câu 5.Ghép mỗi ô ở cột A với một ô ở cột B để có một phát biểu đúng   |  |  | | --- | --- | | **CỘT A** | **CỘT B** | | 1) Internet là mạng liên kết | a) được cập nhật thường xuyên. | | 2) Có nhiều dịch vụ thông tin trên Internet như | b) tìm kiếm, lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin trên Internet. | | 3) Thông tin trên Internet | c) www, tìm kiếm, thư điện tử,... | | 4) Người sử dụng có thể | d) các mạng máy tinh trên toàn cầu. |   **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1. Đáp án D  Câu 2. Đáp án C  Câu 3. Đáp án B  Câu 4. Đáp án D  Câu 5. 1- d; 2 - c; 3 - a; 4 - b  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **Bài tập:**  Câu 1. Đáp án D  Câu 2. Đáp án C  Câu 3. Đáp án B  Câu 4. Đáp án D  Câu 5. 1-d; 2-c; 3-a; 4-b |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Khắc sâu kiến thức đã học.

**b) Sản phẩm dự kiến:**

- Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:**

- Khắc sâu kiến thức đã học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1. Em hãy lấy ví dụ cho thấy Internet mang lại lợi ích cho việc học tập và giải trí.  Câu 2. Em hãy giải thích tại sao Internet lại được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1.Trả lời theo ý hiểu của cá nhân  - Đăng kí học online, tìm kiếm các thông tin liên quan đến môn học, chơi một số trò chơi  Câu 2. Internet lại được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển vì:  - Internet là một kho học liệu vô tận  - Internet là mạng máy tính toàn cầu, nhờ đó mà thông tin được trao đổi và truyền tải đi khắp nơi, mang lại nhiều lợi ích cho con người và cho sự phát triển của xã hội.  - Các nhà mạng cũng ngày càng nâng cao chất lượng các dịch vụ để Internet được sử dụng phổ biến và hiệu quả hơn.  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm.  Internet được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển vì mang lại rất nhiều lợi ích với người sử dụng  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - HS hoàn thành phiếu khảo sát sau: Em hãy đánh dấu “x” vào ô em chọn  Câu 1: Thời lượng trung bình em sử dụng Internet mỗi ngày là:  🞏 Dưới 2 giờ  🞏Từ 2 giờ đến 3 giờ  🞏 Hơn 3 giờ  Câu 2: Em thường truy cập Internet để làm gì?  🞏 Học tập  🞏 Chơi game, vào mạng xã hội  🞏 Xem tin tức  Câu 3: Theo em, hiện nay Internet có vai trò như thế nào trong việc thúc đẩy xã hội phát triển?  🞏 Không đáng kể  🞏 Bình thường  🞏 Quan trọng  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi ở phiếu khảo sát.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS hoàn thành phiếu khảo sát theo ý kiến cá nhân. Nộp phiếu khảo sát lại cho GV.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của HS. | Internet được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển vì mang lại rất nhiều lợi ích với người sử dụng  Lời khuyên:  + Không nên truy cập Internet liên tục trong nhiều giờ.  + Không nên dành quá nhiều thời gian lên để chơi game hay lướt mạng xã hội, bình luận không hay trên mạng. Tránh mắc bệnh "nghiện Internet", "sống ảo”,...  + Thông tin trên Internet được đưa lên bởi nhiều nguổn, nhiều thông tin không được kiểm duyệt nên độ chính xác không cao, người dùng không phải tiết lộ danh tính thực sự của họ khi tham gia vào các mạng xã hội trên Internet nên có thể tự do ngôn luận. Mọi hoạt động truy cập thông tin của người dùng đều được máy lưu lại trong lịch sử truy cập. Bởi vậy, trong thế giới ảo của Internet, người dùng cẩn thận trọng khi phát ngôn, chia sẻ thông tin, chọn lọc và kiểm chứng lại thông tin cần sử dụng.  + Không truy cập Internet để xem những Sản phẩm dự kiến không lành mạnh, không đúng với lứa tuổi của các em,… |

*Tiết PPCT: 08 Ngày soạn: 22/10/2023*

*Tuần : 08 Lớp dạy: 6a1, 6a2*

**ÔN TẬP GIỮA KÌ 1**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu

- Phân biệt được thông tin và vật mang tin, VD minh họa.

- Các hoạt động cơ bản trong xử lý thông tin

- Giải thích máy tính là công cụ hiệu quả để xử lý thông tin, ví dụ minh họa

- Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin với hai ký hiệu 0 và 1

- Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin

- Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin, cách quy đổi giữa các đơn vị đo.

- Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính.

- Kể được tên những thành phần chính của một mạng máy tính

- Nêu được ví dụ cụ thể về mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.

**2. Về năng lực:**

-Tự chủ và tự học

-Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

-Giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để.

-Ngôn ngữ, tính toán, tin học, thể chất, thẩm mỹ, công nghệ, tìm hiểu tự nhiên và xã hội

**3. Về phẩm chất:**

-Phát triển tinh thần hợp tác và trách nhiệm cá nhân

-Phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, sáng tạo, trách nhiệm

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

Máy chiếu, tranh ảnh, giấy, bút**, …**

**III. Tiến trình dạy học**

**1.Hoạt động 1: Tình huống xuất phát/Khởi động :**

Giớí thiệu các thành phần chính trong chủ đề:

1. Máy tính và cộng đồng

2. Mạng máy tính

**Hướng dẫn học sinh đọc và xem nội dung đề cương ôn tập.**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Nội dung 1:** Máy tính và cộng đồng

**2.1.1. Mục tiêu:** Củng cố, giải quyết vấn đề, ghi nhớ nội dung ôn tập

**2.1.2 Nội dung:** giải quyết vấn đề, nội dung ôn tập máy tính và cộng đồng

Em hãy trình bày thông tin là gì?

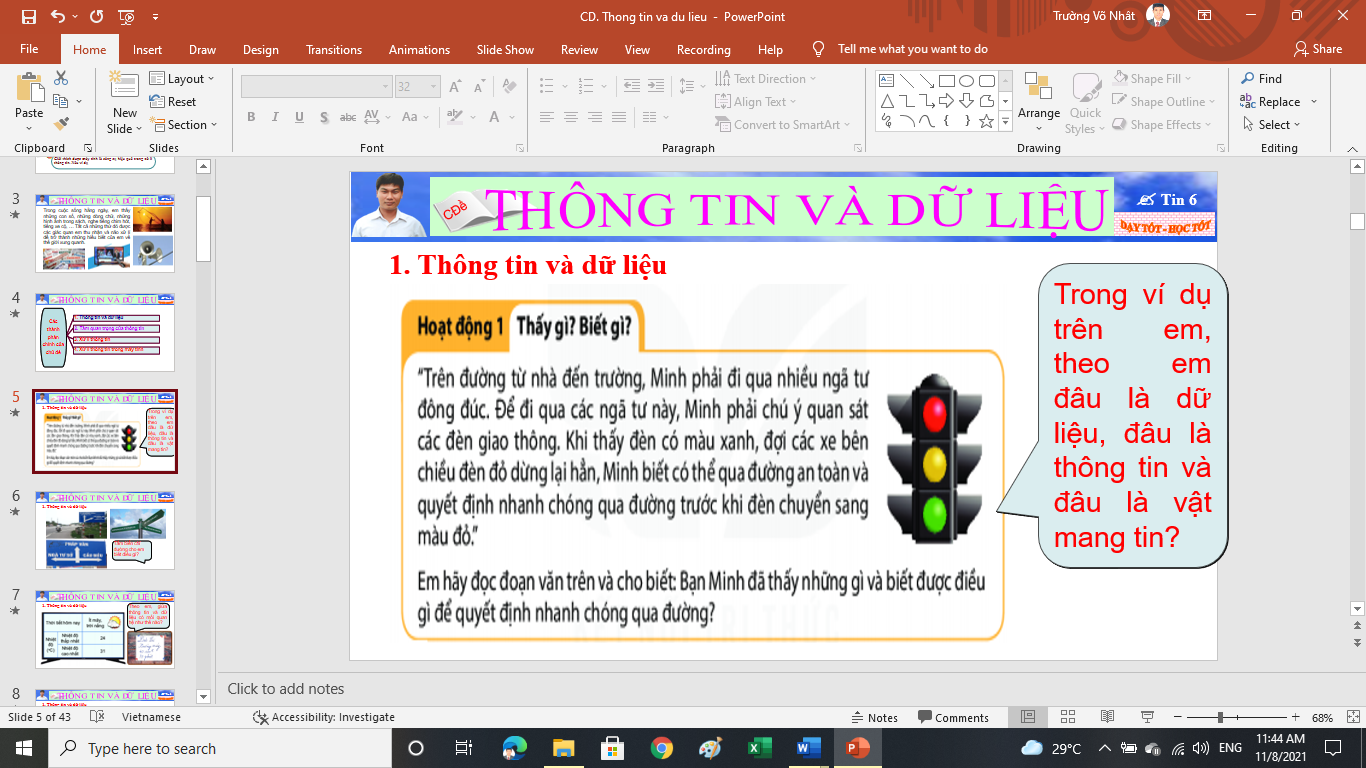
Em hãy trình bày dữ liệu là gì? Nêu ví dụ?

Em hãy trình bày vật mang tin là gì? Nêu ví dụ?

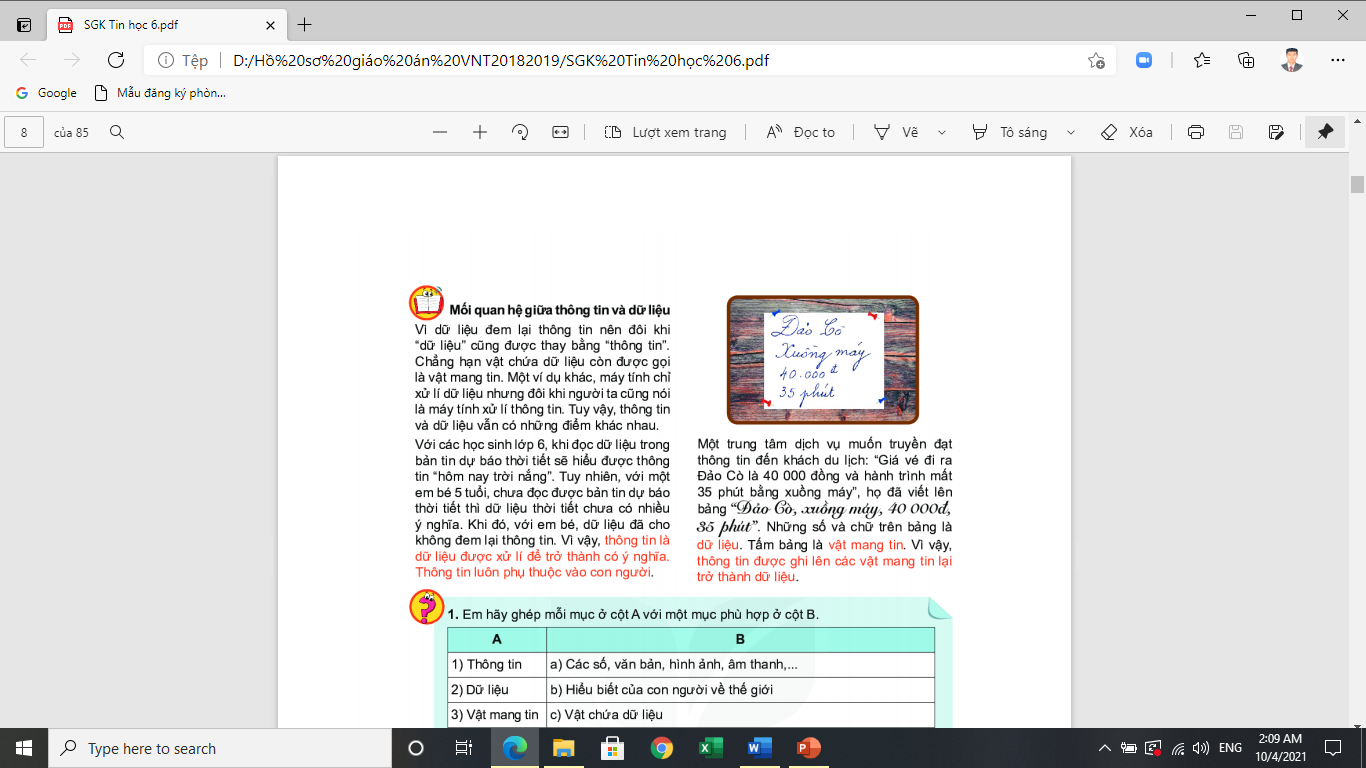
Mối quan hệ giữa thông tin và dữ liêu?

Trình bày tầm quan trọng của thông tin?

Em hãy cho biết đâu là dữ liệu và thông tin nhận được trong vật mang tin sau:



Em hãy cho biết đâu là dữ liệu và thông tin nhận được trong vật mang tin sau:



Lớp em sắp tổ chức một buổi dã ngoại. Em hãy nêu một số thông tin cần tìm hiểu để chuẩn bị cho buổi dã ngoại đó?

Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em có những lựa chọn trang phục phù hợp hơn?

Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông?

Em hãy nêu ví dụ về vật mang tin giúp ích cho việc học tập của em?

Các hoạt động xử lý thông tin bao gồm những gì?

Em hãy trình bày về xử lí thông tin trong máy tính?

Tại sao máy tính là thiết bị hỗ trợ con người xử lí thông tin hiệu quả?

Em hãy nêu ví dụ về một số thiết bị vào của máy tính?

Em hãy nêu ví dụ về một số thiết bị lưu trữ của máy tính?

Em hãy nêu ví dụ về một số thiết bị ra của máy tính?

Học sinh thảo luận, trình bày báo cáo kết quả, làm sản phẩm phiếu bài tập.

**2.1.3 Dự kiến sản phẩm, kết quả hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP 1**  **Lớp:…., NHÓM ….., Thành viên:……………………………………………………………………** | |
| Câu hỏi? | Trả lời: |
| Em hãy trình bày thông tin là gì? | ***-****Thông tin: là những gì đem lại sự hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính mình.* |
| Em hãy trình bày dữ liệu là gì? Nêu ví dụ? | ***-****Dữ liệu: được thể hiện dưới dạng con số, văn bản, hình ảnh, âm thanh,...*  Ví dụ: Sách giáo khoa tin học 6, Thứ 2, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam,... |
| Em hãy trình bày vật mang tin là gì? Nêu ví dụ? | ***-****Vật mang tin: là phương tiện dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin. Ví dụ: Giấy viết, băng đĩa, thẻ nhớ, ...* |
| Mối quan hệ giữa thông tin và dữ liêu? | ***-****Thông tin có thể được biểu diễn thành dữ liệu và ngược lại, dữ liệu có thể mang đến thông tin cho con người* |
| Trình bày tầm quan trọng của thông tin? | ***-****Thông tin đem lại sự hiểu biết cho con người. Mọi hoạt động của con người đều cần đến thông tin.*  ***-****Thông tin giúp con người đưa ra những lựa chọn tốt, giúp cho hoạt động của con người đạt hiệu quả* |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP 2** | |
| Câu hỏi? | Trả lời: |
| Em hãy cho biết đâu là dữ liệu và thông tin nhận được trong vật mang tin sau: | Dữ liệu là:  -Đèn đỏ sáng  -Đèn vàng sáng  -Đèn xanh sáng  Thông tin là:  -Phải dừng lại  -Đi chậm  -Được phép đi tiếp |
| Em hãy cho biết đâu là dữ liệu và thông tin nhận được trong vật mang tin sau: | Dữ liệu là:  -Đảo cò  -Xuồng máy  -40000 đồng  -35 phút  Thông tin là:  Từ nơi tấm bảng đi Đảo cò bằng xuồng máy hết 40 nghìn đồng trong 35 phút |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP 5** | |
| Câu hỏi? | Trả lời: |
| Lớp em sắp tổ chức một buổi dã ngoại. Em hãy nêu một số thông tin cần tìm hiểu để chuẩn bị cho buổi dã ngoại đó? | Học sinh có thể nêu những thông tin cần hiểu theo cách riêng của mình  Ví dụ: Tìm thông tin phong cảnh đẹp để chụp ảnh.  Tìm thông tin thời tiết.  Tìm thông tin các nơi có thể tham quan, nghỉ ngơi, vui chơi, ...  Tìm thông tin các món ăn có thể chuẩn bị mang theo, ... |
| Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em có những lựa chọn trang phục phù hợp hơn? | Học sinh có thể nêu những thông tin cần hiểu theo cách riêng của mình  Ví dụ: Thông tin trời nắng: Chuẩn bị trang phục mũ, áo lót, ..  Trời mưa, gió lạnh: chuẩn bị áo mưa, dù, áo khoát, áo ấm, ... |
| Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông? | -Khi tham gia giao thông cần chú ý quan sát các đèn tín hiệu giao thông, các phương tiện tham gia giao thông, các âm thanh, tiếng động (còi xe), các biển báo giao thông, .... và chấp hành tuân thủ các qui định khi tham gia giao thông. |
| Em hãy nêu ví dụ về vật mang tin giúp ích cho việc học tập của em? | Ví dụ: Sách giáo khoa mang lại kiến thức cho em.  -Các bản tin trên truyền hình cho em biết thông tin tình hình đất nước, ...  -Thời khóa biểu giúp em biết thời gian đến trường học tập |
| **PHIẾU BÀI TẬP 6** | |
| Câu hỏi? | Trả lời: |
| Các hoạt động xử lý thông tin bao gồm những gì? | -Thu nhận thông tin.  -Lưu trữ thông tin.  -Xử lý thông tin.  -Truyền thông tin: |
| Em hãy trình bày về xử lí thông tin trong máy tính? | *-Máy tính có đủ bốn thành phần thực hiện các hoạt động xử lí thông tin: Thiết bị vào (thu nhận thông tin), bộ nhớ (lưu trữ thông tin), bộ xử lí (xử lí thông tin) và thiết bị ra (truyền, chia sẻ thông tin).* |
| Tại sao máy tính là thiết bị hỗ trợ con người xử lí thông tin hiệu quả? | ***-****Máy tính là thiết bị hỗ trợ con người xử lí thông tin một cách hiệu quả do nó có thể thực hiện nhanh các lệnh, tính toán chính xác, xử lí nhiều dạng thông tin, lưu trữ thông tin với dung lượng lớn và hoạt động bền bỉ.* |
| Em hãy nêu ví dụ về một số thiết bị vào của máy tính? | Chuột, bàn phím, máy quét, ... |
| Em hãy nêu ví dụ về một số thiết bị lưu trữ của máy tính? | Ổ đĩa, đĩa CD, DVD, USB, thẻ nhớ, ... |
| Em hãy nêu ví dụ về một số thiết bị ra của máy tính? | Màn hình, loa, máy in, ... |

**2.1.4 Tổ chức thực hiện:** Phân công nhóm, giao nhiệm vụ, h*ướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.*

**2.2. Nội dung 1:** Mạng máy tính

**2.2.1. Mục tiêu:** Củng cố, giải quyết vấn đề, ghi nhớ nội dung ôn tập

**2.2.2 Nội dung:** giải quyết vấn đề, nội dung ôn tập mạng máy tính

Em hãy kể ra một số mạng lưới khác giống như mạng giao thông đường bộ?

Những gì được vận chuyển trên mạng lưới đó?

Nêu điểm chung của các mạng lưới?

-Em hiểu thế nào là mạng máy tính?

-Mạng máy tính chia sẻ những gì?

-Em hãy nêu lợi ích của mạng máy tính?

- Những thiết bị nào được nối vào mạng?

- Các thiết bị đó được nối với nhau như thế nào? Qua các thiết bị trung gian nào?

-Em hãy kể tên một số cách kết nối không dây mà em biết?

-Em hãy nêu ví dụ cho thấy kết nối không dây thuận tiện hơn kết nối có dây?

**2.2.3 Dự kiến sản phẩm, kết quả hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP 7** | |
| Câu hỏi? | Trả lời: |
| Em hãy kể ra một số mạng lưới khác giống như mạng giao thông đường bộ? | -Mạng lưới đường thủy.  -Mạng lưới đường sắt.  -Đường hàng không.  -Đường ống nước.  -Mạng lưới điện quốc gia.  -Mạng lưới đường điện thoại.  -Mạng internet, ..,.. |
| Những gì được vận chuyển trên mạng lưới đó?  Nêu điểm chung của các mạng lưới? | -Mạng lưới được phân loại theo hàng hóa mà nó vận chuyển.  -Điểm chung của các mạng lưới là kết nối và chia sẻ |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP 8** | |
| Câu hỏi? | Trả lời: |
| -Em hiểu thế nào là mạng máy tính? | 1. Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau tạo thành một mạng máy tính. |
| -Mạng máy tính chia sẻ những gì? | 2. Mạng máy tính chia sẻ dữ liệu, cho phép người sử dụng dùng chung thiết bị. |
| -Em hãy nêu lợi ích của mạng máy tính? | 3. Lợi ích của mạng máy tính: cho phép người dùng có thể liên lạc với nhau, trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu, dùng chung các thiết bị trên mạng, ... |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP 9** | |
| Câu hỏi: | Trả lời: |
| - Những thiết bị nào được nối vào mạng? | -Máy tính để bàn  -Máy tính xách tay.  -Điện thoại.  -Máy in.  -Máy quét.  -Bộ chuyển mạch.  -Bộ định tuyến.  -Máy chủ.... |
| - Các thiết bị đó được nối với nhau như thế nào? Qua các thiết bị trung gian nào? | -Chúng được kết nối với nhau bằng dây dẫn mạng hoặc sóng vô tuyến.  -Các thiết bị trung gian: Bộ chuyển mạch, bộ định tuyến. |
| -Em hãy kể tên một số cách kết nối không dây mà em biết? | *Kể tên một số cách kết nối không dây mà em biết: bluetooth, wifi.* |
| -Em hãy nêu ví dụ cho thấy kết nối không dây thuận tiện hơn kết nối có dây | *Ví dụ: máy tính xách tay, điện thoại di động thông minh cho phép em vừa kết nối mạng vừa di chuyển đi nhiều nơi chỉ cần nơi đó có phủ sóng.* |

**2.2.4 Tổ chức thực hiện:** Phân công nhóm, giao nhiệm vụ, h*ướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.*

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

3.1. Mục tiêu: *Củng cố, vận dụng, mở rộng, khắc sâu những kiến thức đã học.*

3.2. Nội dung:

Yêu cầu học sinh làm bài tập tự luận, trắc nghiệm trong phiếu bài tập 3, 4, 10,11,12

**3.3. Dự kiến sản phẩm, kết quả hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP 3** | |
| **1. Em hãy ghép mỗi mục ở cột A với một mục phù hợp ở cột B?** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | A | B | KQ | | 1.Thông tin | a. Các số, văn bản, hình ảnh, âm thanh, ... | 1+ b | | 2.Dữ liệu | b. Những gì đem lại sự hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình | 2+ a | | 3. Vật mang tin | c. Vật chứa dữ liệu | 3+ c | |
| **2. Mỗi dòng sau đây là thông tin hay dữ liệu:** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | 16:00 | 0123456789 | Dữ liệu | | Hãy gọi cho tôi lúc 16 giờ theo số điện thoại 0123456789 | | Thông tin | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP 4** | |
| **Trắc nghiệm:**  Em hãy chọn đáp án đúng: | **Thông tin có thể giúp cho con người:**  a. Nắm được quy luật của tự nhiên và do vậy trở nên mạnh mẽ hơn.  b. Hiểu biết về cuộc sống và xã hội xung quanh.  c. Biết được các tin tức và sự kiện xảy ra trên thế giới.  d. Tất cả các khẳng định trên đều đúng.  Đáp án d |
| Nghe bản tin dự báo thời tiết “Ngày mai trời có mưa”, em sẽ xử lý thông tin và quyết định như thế nào?  a. Ăn sáng trước khi đến trường. b. Đi học mang theo áo mưa.  c. Mặc đồng phục. d. Hẹn bạn Trang cùng đi học.  Đáp án b |
| Công cụ nào dưới đây được làm ra không phải để hỗ trợ con người trong hoạt động thông tin:  a. Ống nhòm. b. Máy đo huyết áp.  c. Kính lúp. d. Chiếc nơ buộc tóc.  Đáp án d |
| Máy tính gồm mấy thành phần để có thể thực hiện được các hoạt động xử lí thông tin?  a. 3 b.4 c.5 d.6  Đáp án b |
| Chức năng của bộ nhớ máy tính là gì?  a. Thu nhận thông tin. b. Hiển thị thông tin.  c. Lưu trữ thông tin. d. Xử lí thông tin.  Đáp án c |
| Dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là:  a. Dữ liệu được lưu trữ. b. Thông tin vào.  c. Thông tin ra. d. Thông tin máy tính.  Đáp án b |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP 10** | |
| Câu hỏi? | Trả lời: |
| Mỗi việc dưới đây thuộc hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin? | |  |  | | --- | --- | | a.Em đang nghe chương trình ca nhạc trên đài tiếng nói Việt Nam. | Tiếp nhận thông tin | | b. Bố em xem chương trình thời sự trên tivi. | Tiếp nhận và lưu trữ thông tin | | c. Em chép bài trên bảng vào vở. | Lưu trữ thông tin | | d. Em thực hiện một phép tính nhẩm. | Xử lí thông tin | |
| Máy tính giúp con người nâng cao hiệu quả trong những hoạt động nào của quá trình xử lí thông tin? | -Thu nhận thông tin  -Xử lí thông tin  -Lưu trữ thông tin  -Truyền thông tin. |
| Vật mang tin xuất hiện trong hoạt động nào của quá trình xử lí thông tin? | Lưu trữ thông tin |
| Bộ nhớ có là vật mang tin không? | Bộ nhớ là vật mang tin |
| Em hãy phân loại những công việc sau đây theo các hoạt động của quá trình xử lí thông tin: | |  |  | | --- | --- | | a. Quan sát đường đi của một chiếc tàu biển. | Thu nhận thông tin | | b. Ghi chép các sự kiện của một chuyến tham quan. | Lưu trữ thông tin | | c. Chuyển thể một bài văn xuôi thành văn vần. | Xử lí thông tin | | d. Thuyết trình chủ đề tình bạn trước lớp. | Truyền thông tin | |
| Em hãy liệt kê những lợi ích của máy tính ở một trong các lĩnh vực sau đây:  a.Y tế. b.Giáo dục.  c.Âm nhạc. d.Hội họa.  e.Xây dựng.  f.Nông nghiệp.  g.Thương mại. h.Du lịch. | Học sinh có thể trình bày theo ý riêng:  Ví dụ:  -Y tế: Chụp x quang, nội soi  -Giáo dục: học online, tìm kiếm tài thông tin, tài liệu,...  -Âm nhạc: nghe và soạn, ghép, chỉnh sửa nhạc.  -Hội họa: Vẽ tranh trên các phần mềm máy tính  ......... |

3.4. Tổ chức thực hiện: Phân công nhóm, giao nhiệm vụ, h*ướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.*

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**4.1 Mục tiêu:** *Vận dụng, phát huy các kiến thức đã biết, đã hiểu.*

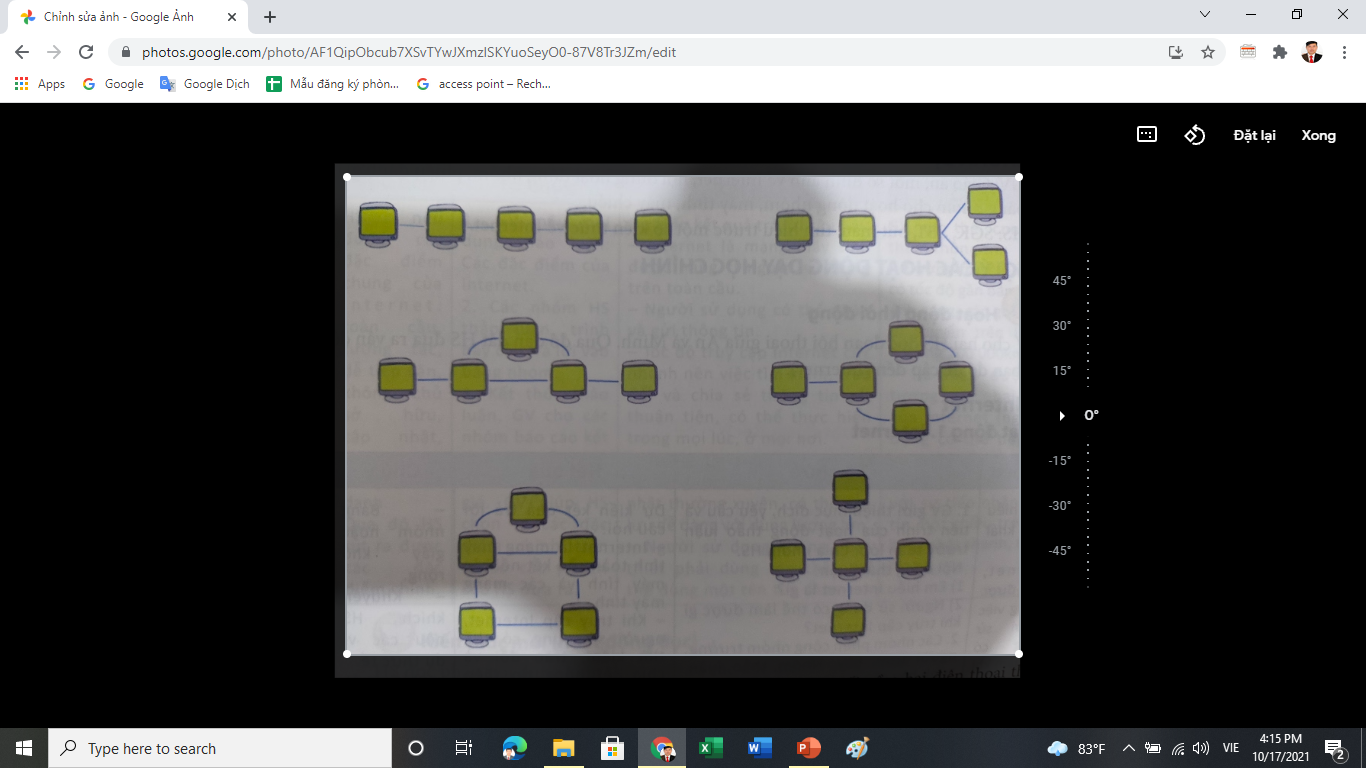
**4.2. Nội dung:**

Bài 1. Phòng thư viện của trường có 5 máy tính cần kết nối thành một mạng. Có thể có nhiều cách kết nối. Em hãy vẽ cách để kết nối chúng thành một mạng.

Bài 2. Nhà bạn An có điện thoại di động của bố, của mẹ và một máy tính xách tay đang cùng truy cập mạng internet. Theo em các thiết bị đó có đang được kết nối thành một mạng máy tính không? Nếu có, em hãy chỉ ra các thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.

Bài 3. Máy in được kết nối trực tiếp với máy tính không qua vỉ mạng thì hai thiết bị đó có tạo thành một mạng máy tính không?

**4.3. Dự kiến sản phẩm, kết quả hoạt động:**

Bài 1. 

Bài 2. Các thiết bị đó được kết nối thành mạng. Thiết bị đầu cuối gồm 2 điện thoại thông minh và một máy tính xách tay. Thiết bị kết nối bao gồm modem hoặc bộ định tuyến, dây dẫn mạng.

Bài 3. Không.

**4.4. Tổ chức thực hiện:** Phân công nhóm, giao nhiệm vụ, h*ướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.*

*Tiết PPCT: 09 Ngày soạn: 29/10/2023*

*Tuần : 09 Lớp dạy: 6a1, 6a2*

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

**I. MỤC TIÊU:**

***1.******Kiến thức:***Củng cố các kiến thức đã học, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức đã học từ đầu năm đến nay.

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung:**

Thực hiện tiết ôn tập này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

**Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

**Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh hoạt động cá nhân để làm bài kiểm tra trả lời câu hỏi dưới dạng trắc nghiệm và tự luận.

**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh trả lời các câu hỏi vận dụng.

**2.2. Năng lực Tin học:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

– *Sử dụng* được các thiết bị vào của máy tính để phân biệt được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu, vật mang thông tin và mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu.

– *Sử dụng* được các thiết bị vào của máy tính để thu nhận thông tin.

– *Sử dụng* được máy tính để biết cách mã hóa thông tin, xem được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng.

**-** Biết đượcnhững thành phần chính của một mạng máy tính

- Biết được lợi ích Internet trong cuộc sống hằng ngày.

**Năng lực C (NLc):** Hệ thống lại kiến thức từ đầu năm học đến nay

**Năng lực D (NLd):**

–*Sử dụng* máy tính:

+ Xem dung lượng của bộ nhớ như đĩa cứng, USB, CD/DVD, …

+ Để kết nối các kiểu kết nối mạng Internet như hình vòng, hình sao.

+ Biết các lợi ích mà Internet đem lại đối với bản thân.

+ Tìm kiếm thông tin cần thiết trên mạng Internet.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẳn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu

**2. Học liệu:**

- GV: Ra đề và đáp án, đánh máy, in ấn.

- Học sinh: Ôn tập kỹ các bài đã học qua các chủ đề

**III. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức :**

**2. Kiểm tra bài cũ:** không

**3. Giảng bài mới:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**  **NĂM HỌC 2023-2024** | | | | | | | | | |
| **MÔN: TIN HỌC, LỚP 6;**  **(THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút)** | | | | | | | | | |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/đơn vi kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhâṇ biết** | | **Thông hiểu** | | **Vâṇ dung** | | **Vâṇ dung cao** | | |  | | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** |  | | |
| **1** | **Chủ đề A** | Thông tin và dữ liệu | 4 |  | 1 |  |  | 1 |  | |  | 22,5% (2.25 điểm) | | |
| Xử lý thông tin và Thông tin trong máy tính | 5 |  | 5 |  |  | 1 |  | | 1 | 45%  (4,5 điểm) | | |
| **2** | **Chủ đề B** | Mạng máy tính và internet | 7 |  | 3 |  |  |  |  | |  | 32,5%  (3.25  điểm) | | |
| ***Tổng*** | | | 16 |  | 9 |  |  | 2 |  | | 1 |  | | |
| **Tỉ lê ̣%** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | | **100%** | | |
| **Tỉ lê ̣chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | | | **100%** | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1**

**NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: TIN HỌC LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/đơn vi kiến thứ c** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mứ c đô ̣nhâṇ thứ c** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề A**  **Chủ đề B** | Thông tin và dữ liệu | **Nhận biết**  Trong các tình huống cụ thể :  – Phân biệt được thông tin với vật mang tin. (Câu 10, 12,13)  – Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. (Câu 11)  **Thông hiểu**  - Nêu được ví dụ minh hoạ về mối quan hệ giữa  thông tin và dữ liệu. (Câu 14).  – Nêu được ví dụ minh hoạ tầm quan trọng của  thông tin và vật mang tin  **Vận dụng**  Giải thích được máy tính và các thiết bị số là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lí và truyền thông tin. Nêu được ví dụ minh hoạ cụ thể. (Câu 1 TL) | 4 (TN) | 5 | 1 |  |
| **Xử lý thông tin và Thông tin trong máy tính** | **Nhâṇ biết**  - Nhận biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin**. (**Câu 16)  - Nêu được tên và độ lớn (xấp xỉ theo hệ thập phân) của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin: Byte, KB, MB, GB, quy đổi được một cách gần đúng giữa các đơn vị đo lường này. Ví dụ: 1KB bằng xấp xỉ 1 ngàn byte, 1 MB xấp xỉ 1 triệu byte, 1GB xấp xỉ 1 tỷ byte. (Câu 15,17, 20,21).  **Thông hiểu**  - Giải thích được có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai ký hiệu 0 và 1. (Câu 23, 19,22, 18,24)  **Vận dụng**  - Phân tích được các hoạt động xử lý thông tin (Câu 2 TL)  **Vận dụng cao**  Xác định được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, đĩa cứng, USB, CD, thẻ nhớ,…(Câu 3 TL) | 5(TN) | 4 |  |  |
| **2** | Mạng máy tính và internet | **Nhận biết**  – Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính **(Câu 1, Câu 2)**.  - Nêu được các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, cáp nối, Switch, Access Point,... **(Câu 3, Câu 4, Câu 5)**.   * Nêu được các đặc điểm và ích lợi chính của Internet **(Câu 6, Câu 7)**.   **Thông hiểu**  Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây **(Câu 8, Câu 9, Câu 25).** | 7 (TN) | 3 |  | 1 |
| ***Tổng*** | | |  | 16 (TN) | 9(TN) | 2(TL) | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | ***10%*** |
| **Tỉ lê ̣chung** | | |  | **100%** | |  | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2023-2024**

**TRƯỜNG THCS ......................................** **Môn**: TIN HỌC 6

Họ và tên:…………………………… Thời gian làm bài: 45 phút*(không kể thời gian phát đề)*

Lớp:… …… ….. ***(Học sinh làm bài kiểm tra trực tiếp trên đề này)***

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM** (*7,0 điểm*)

***I. Hãy khoanh tròn vào những chữ cái đứng trước phương án em cho là đúng: (6,0 điểm)***

**Câu 1:** Mạng máy tính là:

A. Tập hợp các máy tính nối với nhau bằng các thiết bị mạng B. Mạng Internet

C. Tập hợp các máy tính D. Mạng LAN

**Câu 2:** Trong các phát biểu về mạng máy tính sau, phát biểu nào ĐÚNG?

A. Mạng máy tính là các máy tính được kết nối với nhau.

B. Mạng máy tính bao gồm: các máy tính, thiết bị mạng đảm bảo việc kết nối, phần mềm cho phép thực hiện việc giao tiếp giữa các máy.

C. Mạng máy tính gồm: các máy tính, dây mạng, vỉ mạng.

D. Mạng máy tính gồm: các máy tính, dây mạng, vỉ mạng, hub.

**Câu 3:** Các thành phần cơ bản của mạng máy tính:

A. Thiết bị kết nối mạng, môi trường truyền dẫn, thiết bị đầu cuối và giao thức truyền thông.

B. Máy tính và internet.

C. Máy tính, dây cáp mạng và máy in.

D. Máy tính, dây dẫn, modem và dây điện thoại.

**Câu 4:** Thiết bị nào sau đây **KHÔNG** là thiết bị đầu cuối ?

A. Máy tính B. Máy in C. Bộ định tuyến D. Máy quét

**Câu 5:** Mạng máy tính không cho phép người dùng chia sẻ:

A. Máy in B. Bàn phím và chuột C. Máy quét D. Dữ liệu

**Câu 6:** Để kết nối Internet người dùng cần:

A. đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt Internet.

B. đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được cấp quyền truy cập Internet.

C. đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet.

D. đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ Wi-Fi.

**Câu 7:** Để kết nối Internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi?

A. người quản trị mạng máy tính. B. người quản trị mạng xã hội.

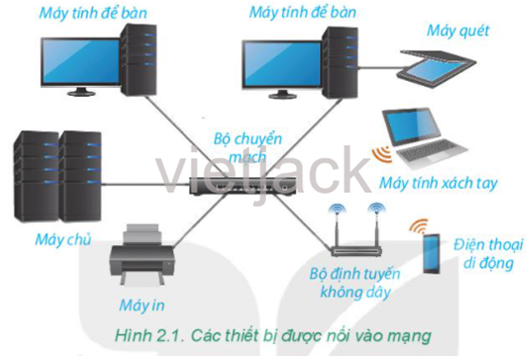
C. nhà cung cấp dịch vụ Internet. D. một máy tính khác.

**Câu 8:** Dựa vào môi trường truyền dẫn ta phân mạng máy tính thành hai loại là:

A. Mạng không dây và mạng có dây. B. LAN và WAN.

C. Mạng Khách – Chủ. D. Mạng nhiều máy tính và một máy tính.

**Câu 9:** Quan sát hình 2.1 dưới đây, em hãy cho biết đâu là thiết bị đầu cuối?



A. Máy tính để bàn, máy quét, máy tính xách tay, điện thoại di động, máy in, máy chủ.

B. Bộ chuyển mạch, máy quét, máy tính xách tay, điện thoại di động, máy in, máy chủ.

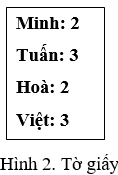
C. Bộ chuyển mạch, điện thoại di động, máy in, máy chủ.

D. bộ chuyển mạch, bộ định tuyến không dây, đường truyền dữ liệu.

**Câu 10:** Công cụ nào sau đây **KHÔNG** là vật mang tin là

A. Giấy. B. Cuộn phim C . Thẻ nhớ. D. Xô, chậu.

**Câu 11:** Theo em những gì ghi trên tờ giấy ở Hình 2 là

1. Thông tin.
2. Dữ liệu.
3. Vật mang tin.
4. Thông tin, dữ liệu.

**Câu 12:** Em hãy xác định tấm biển chỉ đường là:

###### A. Vật mang tin B. Thông tin

C. Dữ liệu D. Vật mang tin, thông tin

**Câu 13:** Xem bản tin dự báo thời tiết như Hình 1, bạn Khoa kết luận: "Hôm nay, trời có mưa". Phát biểu nào sau đây đúng?



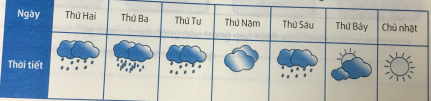
A. Bản tin dự báo thời tiết là dữ liệu, kết luận của Khoa là thông tin.

B. Bản tin dự báo thời tiết là thông tin, kết luận của Khoa là dữ liệu.

C. Những con số trong bản tin dự báo thời tiết là thông tin.

D. Bản tin dự báo thời tiết và kết luận của Khoa đều là dữ liệu

**Câu 14:** Dự báo thời tiết trong một tuần ở địa phương A được cho ở bảng sau:



Hãy chọn câu đúng:

A. Các hình ảnh trong bảng là thông tin

B. Câu “Địa phương A có mưa vào thứ tư và có nắng vào chủ nhật “ là thông tin

C. Bảng trên chứa thông tin dạng hình ảnh, âm thanh, chữ và số

D. Cả ba đáp án  A, B và C đều đúng.

**Câu 15:** Tệp **IMAGE.jpeg** có các thuộc tính sau:



Vậy tệp IMAGE.jpeg có dung lượng là

1. 32 Byte B. 32 Kilobit

C. 32 Kilobyte D. 32 Megabyte.

**Câu 16:** Đơn vị đo dung lượng thông tin nhỏ nhất là

A. Byte B. Digit C. Kilobyte D. Bit

**Câu 17:** Trình tự của quá trình xử lí thông tin là:

A. Nhập (INPUT) → Xuất (OUTPUT) → Xử lý; B. Nhập → Xử lý → Xuất;

C. Xuất → Nhập → Xử lý ; D. Xử lý → Xuất → Nhập;

**Câu 18:** Các khối chức năng chính trong khối cấu trúc chung của máy tính điện tử theo Von Neumann gồm có:

A. Bộ nhớ; bàn phím; màn hình;

B. Bộ xử lý trung tâm; Thiết bị vào; Bộ nhớ;

C. Bộ xử lý trung tâm; bàn phím và chuột; Máy in và màn hình;

D. Bộ xử lý trung tâm và bộ nhớ; Thiết bị vào; thiết bị ra.

**Câu 19:** Máy tính hoạt động được dưới sự hướng dẫn của:

A. Các thông tin mà chúng có; B. Phần cứng máy tính;

C. Các chương trình do con người lập ra; D. Bộ não máy tính.

**Câu 20:** Thiết bị dùng để di chuyển con trỏ trên màn hình là:

A. Modem;     B. Chuột     C. CPU     D. Bàn phím

**Câu 21:** Thiết bị giúp em nhìn thấy các hình ảnh hay kết quả hoạt động của máy tính là

A. Bàn phím     B. CPU     C. Chuột     D. Màn hình

**Câu 22:** Sức mạnh của máy tính tùy thuộc vào:

A. Khả năng tính toán nhanh; B. Giá thành ngày càng rẻ;

C. Khả năng và sự hiểu biết của con người; D. Khả năng lưu trữ lớn.

**Câu 23:** Hạn chế lớn nhất của máy tính hiện nay:

A. Khả năng lưu trữ còn hạn chế B. Khả năng tính toán nhanh

C. Chưa có khả năng tư duy như con ngườiD. Kết nối Internet còn chậm

**Câu 24:** Máy tính có thể thực hiện hàng tỉ phép tính trong :

A. Một giây B. Một giờ

C. Một Phút D. Một ngày

**II. Nối cột A với cột B sao cho phù hợp:** *(1,0 điểm)*

**Câu 25**: Em hãy nối nội dung ở cột A với nội dung ở cột B để tạo thành một khẳng định đúng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A | B | Trả lời |  |
| 1. Internet là mạng liên kết | a. được cập nhật thường xuyên. | ……................ |  |
| 2. Có nhiều dịch vụ thông tin trên Internet như | b. tìm kiếm, lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin trên Internet. | ………............ |  |
| 3. Thông tin trên Internet | c. WWW, tìm kiếm, thư điện tử,… | ………............ |  |
| 4. Người sử dụng có thể | d. các mạng máy tính trên toàn cầu. | …………........ |  |

**B. PHẦN TỰ LUẬN** *(3,0 điểm).*

**Bài 1 (1 điểm).** Cho tấm bảng sau:

****

Em hãy cho biết hình ảnh trên tấm bảng đâu là dữ liệu, thông tin, vật mang thông tin?

**Bài 2 (1 điểm).** Phòng thư viện của trường có 5 máy tính cần kết nối thành một mạng. Em hãy vẽ hai cách khác nhau để kết nối chúng thành một mạng?.

**Bài 3 (1 điểm).** Một quyển sách A gồm 200 trang nếu lưu trữ trên đĩa chiếm khoảng 5MB. Hỏi 1 đĩa cứng 40GB thì có thể chứa khoảng bao nhiêu cuốn sách có dung lượng thông tin xấp xỉ cuốn sách A?

**ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM**

**VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**Năm học: 2023– 2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề** | **A. PHẦN TRẮC NGHIỆM**: **(7.0 điểm) *Học sinh chọn đúng đáp án, mỗi câu được 0,25 điểm (riêng câu 25 mỗi ý đúng 0,25 điểm).*** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **A** | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | | 14 | |
| **Đáp án** | A | B | A | C | B | C | C | A | A | D | B | A | A | | B | |
| **Câu** | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 |  |  | |  | |
| **Đáp án** | C | D | B | D | C | B | D | C | C | A | 1-d  2-c  3-a  4-b |  |  | |  | |
| 1. **Phần tự luận** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Bài** | | **Đáp án** | | | | | | | | | | | | | **Điểm** | |
| **Bài 1** | | + Hình ảnh trên có chữ, số: Dữ liệu  + Đi đến địa điểm du lịch: Thông tin  + Tấm bảng: Vật mang thông tin | | | | | | | | | | | | | **0,5**  **0,25**  **0,25** | |
| **Bài 2** | | Cách 1:  Cách 2: | | | | | | | | | | | | | **0,5**  **0,5** | |
| **Bài 3** | | Đổi 40 GB = 40 x 1024 = 40 960MB  Một quyển sách A 200 trang chiếm 5MB  Ta có: 40 960MB : 5MB = 8 192 cuốn sách.  Vậy 40 GB có thể chứa khoảng 8 192 cuốn sách như cuốn sách A. | | | | | | | | | | | | | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** | |

**4. Củng cố:**

- Giáo viên thu bài nhắc nhở.

- Nhận xét ý thức của HS qua tiết kiểm tra.

**5. Hướng dẫn về nhà**

- Học bài cũ và ôn lại bài mới

- Về nhà đọc trước **CHỦ ĐỀ 3: TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN “BÀI 6: MẠNG THÔNG TIN TOÀN CẦU”**

*Tiết PPCT: 10,11 Ngày soạn: 05/11/2023*

*Tuần : 10,11 Lớp dạy: 6a1, 6a2*

**CHỦ ĐỀ 3: TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM**

**VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN**

**BÀI 6: MẠNG THÔNG TIN TOÀN CẦU**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu: SP Tin 6 Anh Nguyet + Pham Huy**

**1. Về kiến thức:**

- Trình bày được các khái niệm World Wide Web, website, địa chỉ của website, trình duyệt.

- Biết cách sử dụng trình duyệt để vào trang web cho trước xem và nêu được các thông tin chính trên trang web đó.

- Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng: Thi toán, tiếng anh trên mạng, tra từ điển, xem thời tiết, thời sự, tìm kiếm thông tin,…

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ trong cuộc sống hằng ngày.

**2.2. Năng lực Tin học:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

- Phát triển năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

**Năng lực C (NLc):**

- Biết được cách tổ chức thông tin trên Internet.

- Biết sử dụng trình duyệt để tìm kiếm các trang web.

- Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng: Thi toán, tiếng anh trên mạng, tra từ điển, xem thời tiết, thời sự, tìm kiếm thông tin,…

**Năng lực D (NLd):**

- Sử dụng các trình duyệt như cốc cốc, google chorme, ... để truy cập và tìm kiếm đc các thông tin hữu ích trên internet

**Năng lực E (NLe):**

**-** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:**

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo.- HS: SGK, bảng nhóm, bút dạ, phấn.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**- Biết trang truy cập vào trang web: world wide web

**b) Sản phẩm dự kiến:**- Trang truy cập vào trang web: world wide web

**c) Sản phẩm:** Truy cập vào trang web: world wide web

**d) Tổ chức thực hiện:**Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Yêu cầu học sinh quan sát Sản phẩm dự kiến thông tin trên các trang Web mà giáo viên trình chiếu và hoạt động nhóm trả lời câu hỏi sau:  Câu 1. Các trang Web cho em biết những thông tin gì?  Câu 2. Các trang thông tin được nối với nhau như thế nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  Câu 1. Các thông tin trên Internet rất đa dạng và phong phú, có những câu chuyện rất hấp dẫn, hình ảnh đẹp, bộ phim hay, bản nhạc du dương,…  Câu 2. Các thông tin được nối với nhau thành mạng giống như mạng nhện khổng lồ bao trùm lên cả thế giới đó nên nó được gọi là World Wide Web hay mạng thông tin toàn cầu.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định:**  + Sau khi thực hiện xong bài tập giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả học sinh đã báo cáo. Từ đó hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu Sản phẩm dự kiến cho hoạt động hình thành kiến thức mới. | Trang truy cập vào trang web: world wide web |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tổ chức thông tin trên Internet**

**a) Mục tiêu:**

- Sự khác nhau cách tổ chức thông tin trên một cuốn sách và trên Internet

- Biết các khái niệm: world wide web, website, địa chỉ website, trình duyệt.

**b) Sản phẩm dự kiến:**- Tổ chức thông tin trên Internet.

**c) Sản phẩm:**- Cách tổ chức thông tin trên Internet

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1. Thông tin trong một cuốn sách được tổ chức như thế nào?  Câu 2.Các thông tin trong sách được trình bày dưới dạng gì?  Câu 3. Em đã xem thông tin trên Internet chưa?  Câu 4. Trên Internet có những dạng thông tin gì?  Câu 5. Thông tin trên sách báo hay Internet thông tin nào đa dạng hơn?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  Câu 1. Trong một cuốn sách, thông tin được sắp xếp tuần tự.  Ví dụ: Cuốn sách tin học 6 có các chủ đề, trong mỗi chủ đề có một số bài học, mỗi bài học có các phần, trong từng phần sẽ trình bày từng Sản phẩm dự kiến cụ thể.  Câu 2. Hầu hết thông tin chỉ được trình bày dưới dạng văn bản và hình ảnh.  Câu 3. Rồi/chưa  Câu 4. Trên Internet có thông tin ở các dạng: văn bản, hình ảnh, âm thanh, các phần mềm, các liên kết.  Câu 5. Các dạng thông tin trên Internet đa dạng hơn thông tin trong sách báo  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác..  **\* Kết luận, nhận định:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm và chốt kiến thức trọng tâm trong hộp kiến thức  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - GV yêu cầu học sinh hoạt động nhóm trả lời câu hỏi sau:  Câu 1. Trang siêu văn bản là gì?  Câu 2. Trang web là gì?  Câu 3. Website là gì?  Câu 4. Website do ai quản lí?  Câu 5. Trang chủ là gì?  Câu 6. Mạng thông tin toàn cầu là gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  Câu 1. Trang siêu văn bản (Hypertext) là trang văn bản đặc biệt, tích hợp nhiều dạng dữ liệu khác nhau như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video,... và các liên kết trỏ đến vị trí khác trong trang hay các trang web khác.  Câu 2. Mỗi trang web là một trang siêu văn bản được gán cho một địa chỉ.  Câu 3. Website: là một tập hợp các trang web liên quan được truy cập thông qua một địa chỉ.  Câu 4. Website do một hoặc một số người hoặc một tổ chức quản lí.  Câu 5. Trang chủ (homepage) của Website trang được mở ra đầu tiên khi truy cập website đó. Địa chỉ của trang chủ cũng chính là địa chỉ của website  Câu 6. Hệ thống các website trên internet tạo thành mạng thông tin toàn cầu  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm và chốt kiến thức trọng tâm trong hộp kiến thức  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  1. Em hãy chọn phương án đúng.  Trang siêu văn bản là:  A. Trang văn bản thường không chứa liên kết.  B. Trang văn bản đặc biệt tích hợp nhiều dạng dữ liệu khác nhau và chứa các liên kết.  C. Trang văn bản đặc biệt tích hợp nhiều dạng dữ liệu khác nhau và không chứa liên kết.  2. Hãy nêu địa chỉ một số trang web phục vụ học tập?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  1. Đáp án: B.  2. Ví dụ một số trang web phục vụ học tập:  https://hanhtrangso.nxbgd.vn  https://taphuan.nxbgd.vn  https://www.google.com  https://www.youtube.com  <http://violympic.vn>  <http://ioe.vn>  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về tổ chức thông tin trên Internet  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **I. TỔ CHỨC THÔNG TIN TRÊN INTERNET:**  **Tìm hiểu cách tổ chức thông tin:**  -Thông tin trên trang web được tạo nên nhiều trang web kết nối với nhau bởi các liên kết. Mỗi trang web có địa chỉ truy cập riêng.  - World wide web là mạng thông tin toàn cầu, liên kết các website trên Internet.  - Website là một tập hợp gồm một hoặc nhiều trang web liên quan được tổ chức dưới một địa chỉ truy cập chung  - Địa chỉ website là địa chỉ truy cập trung của các trang web của website. |

**Hoạt động 2.2: Trình duyệt (15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS hiểu được thế nào là trình duyệt và nêu được một số trình duyệt thông dụng.

- Biết cách sử dụng trình duyệt để truy cập một trang web.

**b) Sản phẩm dự kiến:**- Trình duyệt

**c) Sản phẩm:**- Cách sử dụng trình duyệt

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV đặt vấn đề giới thiệu trình duyệt: Để truy cập vào một website, ta cần dùng một phần mềm ứng dụng được gọi là trình duyệt (web browser). Duyệt web là hoạt động truy tìm theo các liên kết để tìm thông tin.  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  1. Trình duyệt web là gì?  2. Khai thác thông tin trên trang web ta làm như thế nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát GV minh hoạ  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  1.Trình duyệt là phần mềm giúp nguời dùng truy cập các trang web trên Internet.  2. Người sử dụng có thể theo các liên kết để khai thác thông tin từ các trang web.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm và chốt kiến thức cơ bản trong phần hộp kiến thức  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  1. Em hãy kể tên một số trình duyệt mà em biết.  2. Để truy cập một trang web, chúng ta cần làm như thế nào?  3. Có thể cài đặt và sử dụng nhiều trình duyệt trên cùng một máy tính được không?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả thảo luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - Trình duyệt là phần mềm giúp nguời dùng truy cập các trang web trên Internet.  - Người sử dụng có thể theo các liên kết để khai thác thông tin từ các trang web.  - Một số trình duyệt: Mozilla Firefox, Google Chrome, Microsoft Edge, Safari, Cốc Cốc, Opera, Internet Explorer, ...  - Muốn truy cập vào một trang web, chúng ta cần sử dụng một trình duyệt.  B1. Nháy đúp chuột vào biểu tượng của trình duyệt.  B2. Nhập địa chỉ trang web vào ô địa chỉ của trình duyệt.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về trình duyệt  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **II. TRÌNH DUYỆT :**  **-** Trình duyệt Web là phần mềm ứng dụng giúp người dùng giao tiếp với hệ thống WWW: truy cập các trang web và khai thác tài nguyên trên Internet  **-** Một số trình duyệt Web: Cốc cốc, Chorne, Firefox,…  - Người dùng có thể theo các liên kết có thể khai thác thông tin từ các trang web. |

**Hoạt động 2.3:Thực hành: Khai thác thông tin trên trang web**

**a) Mục tiêu:**

- HS sử dụng được một trình duyệt, thực hiện theo hướng dẫn để vào được trang web có địa chỉ vi.wikipedia.org. Vào các mục chính của trang xem các bài viết.

- HS có thể khai thác thông tin trên một số trang web thông dụng sau để xem thời tiết, thời sự, tra từ: khituongvietnam.gov.vn (xem thời tiết); vtvgo.vn (xem tin tức trên VTV).

**b) Sản phẩm dự kiến:**- Thực hành:Khai thác thông tin trên trang web.

**c) Sản phẩm:**- Sử dụng trình duyệt để vào các trang web theo hướng dẫn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV bố trí số HS thực hành trên mỗi máy (tuỳ điều kiện phòng máy của trường).  - GV phổ biến nhiệm vụ thực hành, yêu cầu cần đạt để cả lớp nắm được  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành bài tập sau:  Câu 1. Nêu các bước các truy cập một trang web?  Câu 2. Truy cập và trang web bách khoa toàn thư mở tiếng Việt:[vi.wikipedia.org](http://www.vi.wikipedia.org) để xem thông tin | **3. Thực hành: Khai thác thông tin trên Internet**  **Đáp án:**  Câu 1. C  Câu 2.  1.B  2.D  3. A  4. C |
| 3. Truy cập vào trang thông tin thời tiết của Trung tâm Dự báo khí tượng Thủy văn Quốc Gia để xem thời tiết: khituongvietnam.gov.vn  4. Truy cập vào trang thông tin của Đài truyền hình Việt Nam để xem thời sự, tin tức: vtvgo.vn  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  - Truy cập trang web: khituongvietnam.gov.vn  - Truy cập trang web: vtvgo.vn  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. Gv thực hiện trên máy tính và chốt Sản phẩm dự kiến kiến thức chính và gợi mở để học sinh thực hành lưu địa chỉ các trang web trên thanh Bookmark |  |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**- Khắc sâu kiến thức đã học.

**b) Sản phẩm dự kiến:**

- Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:**- Kết quả hoạt động của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Hoạt động nhóm tóm tắt Sản phẩm dự kiến bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng nhóm, hoàn thành các câu hỏi sau:  1. Thông tin trên Internet được tổ chức như thế nào?  A. Tương tự như thông tin trong cuốn sách.  B. Thành từng bản rời rạc.  C. Các siêu văn bản liên kết với nhau bởi các liên kết.  D. Một cách tùy ý.  2. Em hãy ghép từng Sản phẩm dự kiến ở cột A với phù hợp Sản phẩm dự kiến ở cột B (SGK).   |  |  | | --- | --- | | A | B | | 1) Website là tập hợp | a) sử dụng trình duyệt web. | | 2) Khi duyệt web, muốn chuyển đến một Sản phẩm dự kiến hoặc một trang web khác thì ta nháy chuột vào | b) website trên Internet. | | 3) Để truy cập các trang web ta cần | c) các trang web liên quan được truy cập thông qua một địa chỉ. | | 4) WWW là hệ thống các | d) liên kết trỏ đến đó. |   3. Nêu một số lợi ích của mạng thông tin toàn cầu?  4. Nêu sự khác nhau của Internet và WWW?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động nhóm tóm tắt Sản phẩm dự kiến bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng nhóm  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  Đáp án:  1. C.  2. 1 - c,  2 - d,  3 - a,  4 - b.  3. Lợi ích của mạng thông tin toàn cầu (WWW):  + Giúp liên kết các website trên Internet.  + Tổ chức thông tin dưới dạng siêu văn bản, giúp người sử dụng dễ dàng di chuyển đến một trang web cụ thể có liên quan đến Sản phẩm dự kiến cần quan tâm.  + Là môi trường giao tiếp chính của người sử dụng trên Internet.  4. Internet là một mạng lưới các máy tính được kết nối với nhau; WWW là một tập hợp các trang được tìm thấy trên mạng máy tính này  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **LUYỆN TẬP:**  Đáp án:  1. C.  2. 1 - c,  2 - d,  3 - a,  4 - b.  3.Lợi ích của mạng thông tin toàn cầu (WWW):  + Giúp liên kết các website trên Internet.  + Tổ chức thông tin dưới dạng siêu văn bản, giúp người sử dụng dễ dàng di chuyển đến một trang web cụ thể có liên quan đến Sản phẩm dự kiến cần quan tâm.  + Là môi trường giao tiếp chính của người sử dụng trên Internet.  4. Internet là một mạng lưới các máy tính được kết nối với nhau  WWW là một tập hợp các trang được tìm thấy trên mạng máy tính này |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được điểm khác nhau giữa cách tổ chức thông tin trong cuốn sách với cách tổ chức thông tin trên Internet;

- Thực hiện thành thạo việc mở trình duyệt và khai thác thông tin trên một số trang web có địa chỉ: <http://hoahoctro.tienphong.vn>, <http://vtv7.vtv.vn>, ….

**b) Sản phẩm dự kiến:** - Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** - Khắc sâu kiến thức đã học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các Sản phẩm dự kiến sau:  1. Có điểm gì khác nhau giữa cách tổ chức thông tin trong cuốn sách với cách tổ chức thông tin trên Internet?  2. Em hãy sử dụng web browser để truy cập vào trang web có địa chỉ: http://hoahoctro.tienphong.vn và http://vtv7.vtv.vn để xem thông tin có trên trang web (tên, biểu tượng, các mục chính, ...) và theo các trỏ liên kết đến các trang web khác.  Lưu địa chỉ em thích trang web vào thanh đánh dấu.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, trả lời câu hỏi 1 theo nhóm  - HS làm việc cá nhân trên máy tính thực hiện câu hỏi 2.  - GV quan sát, hỗ trợ khi cần  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện một trình bày kết quả câu hỏi 1, 2  1.Trong sách: Thông tin được tổ chức tuần tự theo chủ đề hoặc chương trình, bài, phần, Sản phẩm dự kiến từng phần. Khi người dùng tìm kiếm thông tin thì phải theo tuần tự, xem Sản phẩm dự kiến đó thuộc các bài, mấy chương, ở mọi trang trong sách. Đây là cách tổ chức tuyến tính.  2.  - Duyệt web để xem thông tin trên các trang web. | **VẬN DỤNG:**  Câu 1. Có điểm gì khác nhau giữa cách tổ chức thông tin trong cuốn sách với cách tổ chức thông tin trên Internet?  +Trong sách: Thông tin được tổ chức tuần tự theo chủ đề hoặc chương trình, bài, phần, Sản phẩm dự kiến từng phần. Khi người dùng tìm kiếm thông tin thì phải theo tuần tự, xem Sản phẩm dự kiến đó thuộc các bài, mấy chương, ở mọi trang trong sách. Đây là cách tổ chức tuyến tính.  + Trên Internet: Tổ chức thông tin dưới đạng siêu văn bản. Người sử dụng có thể dễ dàng truy cập để xem Sản phẩm dự kiến các trang web khi máy tính được kết nối với Internet. Các liên kết giúp người sử dụng dễ dàng di chuyển đến một trang web cụ thể có liên quan đến Sản phẩm dự kiến cần quan tâm, không theo tuần tự. Đây là cách tổ chức phi tuyến tính.  Câu 2: |

*Tiết PPCT: 12 Ngày soạn: 26/11/2023*

*Tuần : 12 Lớp dạy: 6a1, 6a2*

**BÀI 7: TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. Mục tiêu SP Tin 6 Anh Nguyet + Pham Huy**

**1. Về kiến thức:**

- Nêu được công dụng của máy tìm kiếm.

- Xác định được từ khóa ứng với mục đích tìm kiếm cho trước.

- Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

**Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về máy tìm kiếm, từ khóa, khai thác thông tin trên Internet.

**Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời về tìm kiếm thông tin.

**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra và thực hiện được tìm kiếm thông tin phục vụ học tập liên môn (ví dụ tìm hiểu về tầng ozone...) và áp dụng vào cuộc sống (ví dụ tìm kiếm thông tin du lịch ở địa điểm nào đó, thông tin dịch bệnh Covid 19…).

**2.2. Năng lực tin học:**

-Nla: Sử dụng máy tìm kiếm, internet để hoàn thành nhiệm vụ của bài học

- NLc: Hiểu được tầm quan trọng của máy tìm kiếm, từ khóa: biết lựa chọn thông tin phù hợp và giá trị với mục đích tìm kiếm

- NLd:Sử dụng được trình duyệt Google, Coccoc,… để tìm kiếm, thu thập thông tin phù hợp với mục đích tìm kiếm cho việc học tập và giải trí

**3. Về phẩm chất:** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

**Nhân ái**: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

**Chăm chỉ**: Cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.

**Trung thực:**Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

**Trách nhiệm**: Rèn luyện tính cẩn trọng và chính xác, có tinh thần trách nhiệm trong sử dụng thông tin.Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.Tôn trọng và tuyệt đối thực hiện các yêu cầu, quy tắc an toàn khi thực hành trong phòng máy.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:**

- GV: + KHBD, SGK, SBT, tài liệu tham khảo.

+ Một số nội dung cần tìm kiếm trên Internet, nội dung hoạt động nhóm.

- HS: SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS chơi trò chơi.

**c) Sản phẩm:** Hs mong muốn được tìm hiểu mạng Internet để tìm kiếm được nhiều và nhanh các thông tin.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV gọi lên bảng 2 HS.  - Sau đó GV yêu cầu, hai bạn HS1 và HS2 chơi trò chơi “Tìm kiếm thông tin”.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - HS1 đưa ra một vấn đề cần tìm hiểu và yêu cầu HS2 tìm một số thông tin liên quan đến vấn đề đó bằng cách trả lời trực tiếp.  - Thời gian trả lời 1 phút.  ***Ví dụ:***  - HS1 yêu cầu: Bạn hãy kể tên một số con sông lớn ở nước ta, trong thời gian 1 phút.  - HS2 kể: “Tên các con sông lớn mà HS2 nêu được”.  - Nếu HS2 lúng túng hoặc không kể được thì HS dưới lớp có thể bổ sung.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  HS dưới lớp theo dõi quan sát, nhận xét và có thể bổ sung cho trò chơi khi cần.  **\* Kết luận, nhận định 1**  GV nhận xét đánh giá.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  Yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi sau: Tại sao cần tìm kiếm thông tin trên internet?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi vào bảng nhóm.  - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - HS báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình thông qua phiếu học tập: Việc tìm kiếm thông tin trên Internet là rất cần thiết vì trên mạng Internet có rất nhiều dữ liệu, đáp ứng cho nhu cầu tìm kiếm của chúng ta…  **\* Kết luận, nhận định 2**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - GV dẫn dắt vào bài mới thông qua phần trò chơi và kết quả trả lời câu hỏi của HS. Trong cuộc sống hàng ngày việc tìm kiếm thông tin là rất cần thiết. Ta có thể tìm kiếm thông tin thông qua bạn bè, sách báo, tài liệu,… Nhưng chúng ta có một công cụ để tìm kiếm thông tin thuận lợi hơn đó là mạng Internet. | Học sinh chơi trò chơi “Tìm kiếm thông tin”. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm kiếm thông tin trên Internet**

- Học sinh hiểu được máy tìm kiếm, từ khóa, vai trò của từ khóa trong tìm kiếm.

- Nắm được tác dụng của máy tìm kiếm.

**b) Nội dung:** Tìm hiểu về máy tìm kiếm và từ khóa.

**c) Sản phẩm:**

- Nêu được công dụng của máy tìm kiếm.

- Xác định được từ khóa ứng với mục đích tìm kiếm cho trước.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi sau:  Câu 1:Em đã bao giờ tìm kiếm thông tin trên Internet chưa? Em đã tìm gì? Kết quả có như em mong muốn không?  Câu 2:Em biết gì về máy tìm kiếm? Sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm thông tin em thấy có thuận lợi và khó khăn gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi vào bảng nhóm.  - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - Kết thúc thảo luận, GV cho đại diện các nhóm báo cáo kết quả.  Câu 1:  +HS trả lời theo tình hình thực tế của bản thân (đa phần là các em đã từng tìm kiếm thông tin).  + HS trả lời theo tình hình thực tế của bản thân (ví dụ như tìm kiếm trò chơi, bài hát yêu thích, bộ phim yêu thích, tài liệu học tập, …)  + Phần lớn là có kết quả như mong muốn.  Câu 2:  + Máy tìm kiếm là công cụ hỗ trợ tìm kiếm thông tin trên Internet theo yêu cầu người dùng.  - Thuận lợi: Tìm kiếm nhanh và tìm được nhiều thông tin  - Khó khăn: Phải chọn từ khóa phù hợp, phải sàng lọc, tổng hợp, kiểm tra độ tin cậy và đầy đủ của thông tin.  - GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  **\* Kết luận, nhận định 1**  GV đánh giá, nhận xét từng nhóm => đưa ra kết quả chính xác, chốt kiến thức.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS đọc phần nội dung kiến thức mới về máy tìm kiếm. Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành câu hỏi:  Câu 1:Em hãy kể tên một số máy tìm kiếm mà em biết?  Câu 2:Một số lưu ý mà người sử dụng cần biết khi tìm kiếm thông tin là gì?  Câu 3:Kết quả khi sử dụng máy tìm kiếm là gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả thảo luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - GVthông báo hết thời gian hoạt động nhóm.  - Đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1:Một số máy tìm kiếm như  [www.google.com](http://www.google.com) [www.yahoo.com](http://www.yahoo.com)  [www.bing.com](http://www.bing.com) [www.coccoc.com](http://www.coccoc.com)..  Nhìn chung, cách dùng các máy tìm kiếm tương tự nhau.  Câu 2:Một số lưu ý mà người sử dụng cần biết khi tìm kiếm thông tin được đặt trong phần giấy ghim màu vàng (SGK).  Câu 3: Kết quả khi sử dụng máy tìm kiếm là danh sách liên kết trỏ đến các trang web có chứa từ khóa đó.  **\* Báo cáo, thảo luận2**  -Các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  **\* Kết luận, nhận định 2**  GV đánh giá, nhận xét từng nhóm => đưa ra kết quả chính xác, chốt kiến thức.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1: Từ khóa là gì?  Câu 2: Việc lựa chọn từ khóa phù hợp có ý nghĩa gì trong việc tìm kiếm thông tin?  - Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3**  Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả thảo luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 3**  - GV thông báo hết thời gian hoạt động nhóm.  - Đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1:Từ khóa là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp.  Câu 2:Chọn từ khóa phù hợp sẽ giúp cho việc tìm kiếm đạt hiệu quả.  - Các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  **\* Kết luận, nhận định 3**  GV đánh giá, nhận xét từng nhóm => đưa ra kết quả chính xác, chốt kiến thức. | **1. Tìm kiếm thông tin trên Internet:**  a) Máy tìm kiếm:  - Tìm kiếm thông tin là một trong các dịch vụ phổ biến của Internet.  - Máy tìm kiếm là một website đặc biệt, giúp người sử dụng tìm kiếm thông tin trên Internet một cách nhanh chóng, hiệu quả thông qua các từ khóa.  - Có nhiều máy tìm kiếm, trong đó có thể kể đến: [www.yahoo.com](http://www.yahoo.com), [www.google.com](http://www.google.com), [www.bing.com](http://www.bing.com), cococ.com,..  - Kết quả tìm kiếm là danh sách các liên kết. Các liên kết có thể là văn bản, hình ảnh hoặc video.  b) Từ khóa:  - Từ khóa là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp.  - Từ khóa tìm kiếm rất quan trọng.  - Lựa chọn từ khóa phù hợp sẽ giúp tìm kiếm thông tin nhanh và chính xác. |

**Hoạt động 2.2: Thực hành: Tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet**

**a) Mục tiêu**

- HS sử dụng máy tìm kiếm, thực hiện theo hướng dẫn, chọn từ khóa để tìm kiếm thông tin.

- Qua việc thực hiện tìm kiếm các từ khóa, HS rút ra được cách chọn từ khóa phù hợp.

- HS biết chọn lọc thông tin bằng cách theo các liên kết vào các website để tìm và so sánh tính chính xác, đầy đủ của thông tin.

**b) Nội dung:**Thực hành tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet

**c) Sản phẩm**

- Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.

- Lựa chọn từ khóa phù hợp để tìm kiếm nhanh.

- Cần phân tích, so sánh, chọn lọc thông tin.

- Sao chép và lưu thông tin cần thiết đã tìm được.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  -Yêu cầu HS thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Để tìm kiếm thông tin trên Internet bằng máy tìm kiếm, em thực hiện những bước nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:** Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả thảo luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động:  Để tìm kiếm thông tin trên Internet bằng máy tìm kiếm, thực hiện như sau:  ***B1:***Khởi động trình duyệt Web.  ***B2:***Truy cập máy tìm kiếm  ***B3:*** Gõ từ khóa vào ô dành để nhập từ khóa  Ví dụ: nhập từ khóa [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn)  Screenshot_5  ***B4:***Nhấn Enter hoặc nháy nút tìm kiếm.  ***B5:*** Nháy vào Hình ảnh, Tin tức, Video để lọc các kết quả theo từng loại.  - Các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  **\* Kết luận, nhận định 1**  GV đánh giá, nhận xét từng nhóm => đưa ra kết quả chính xác, chốt kiến thức.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS:  Quan sát hình 3.7 (trang 30 SGK)  Gõ từ khóa cần tìm: *Vai trò của tầng OZON* (không có ngoặc kép hoặc có ngoặc kép).  Screenshot_6  Quan sát, thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1:Cho biết trang web này gồm những thông tin gì?  Câu 2:Có nhận xét gì khi ta nhập từ khóa *Vai trò của tầng OZON* (không có ngoặc kép hoặc có ngoặc kép).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:** Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quảthảo luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  GV thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1:Để truy cập một trang web, em thực hiện như sau:  ***B1:*** Nháy đúp chuột vào biểu tượng trình duyệt.  ***B2:*** Nhập địa chỉ của trang Web vào ô địa chỉ.  Ví dụ: [www.thanhnien.com.vn](http://www.thanhnien.com.vn)  ***B3:*** Nhấn Enter.  Câu 2:  Khi ta nhập từ khóa *Vai trò của tầng ozon* (không có ngoặc kép)thì kết quả sẽ là danh sách với số lượng rất nhiều các liên kết*.*  Khi ta nhập từ khóa “*Vai trò của tầng ozon”* (có ngoặc kép)thì kết quả hiển thị là danh sách với số lượng các liên kết ít hơn.  - Các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  GV đánh giá, nhận xét từng nhóm => đưa ra kết quả chính xác, chốt kiến thức.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Để lưu thông tin bằng văn bản hoặc hình ảnh về máy tính em thực hiện như thế nào?  - Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Để lưu thông tin hình ảnh về máy tính ta thực hiện các bước:  ***B1:***  Lưu văn bản: Chọn nội dung 🡪 nhấn **Ctrl + C**🡪 Mở tệp văn bản, nhấn **Ctrl + V**  Lưu hình ảnh: Nháy nút phải chuột lên hình ảnh 🡪 chọn lệnh **Lưu hình ảnh thành…**  ***B2:*** Chọn ổ đĩa 🡪 chọn thư mục cần lưu.  ***B3:*** Trong ô File name: Gõ tên cần lưu.  ***B4:*** Nhấn Enter hay nháy chuột chọn Save.  GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  **\* Kết luận, nhận định 3**  Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. Chốt nội dung kiến thức. | **2. Thực hành: Tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet**  Tìm thông tin về“vai trò của tầng ozon”:  ***B1:***Khởi động trình duyệt Web.  ***B2:***Truy cập máy tìm kiếm [www.google.com](http://www.google.com)  ***B3:*** Gõ từ khoá “vai trò của tầng ozon” vào ô tìm kiếm.  ***B4:*** Nhấn Enter hoặc nháy vào nút tìm kiếm.  ***B5:*** Nháy vào Hình ảnh, Tin tức, Video để lọc các kết quả theo từng loại.  ***\* Lưu ý:***Cách lưu văn bản, hình ảnh về máy tính  ***B1:***  - Lưu văn bản: Chọn nội dung 🡪 nhấn **Ctrl + C**🡪 Mở tệp văn bản, nhấn **Ctrl + V**  - Lưu hình ảnh: Nháy nút phải chuột lên hình ảnh 🡪 chọn lệnh **Lưu hình ảnh thành…**  ***B2:***Chọn ổ đĩa 🡪 chọn thư mục cần lưu.  ***B3:***Trong ô File name: Gõ tên cần lưu.  ***B4:***Nhấn Enter hay nháy chuột chọn Save. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

**b) Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Các câu trả lời của HS và sản phẩm sau khi học sinh thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1; 2 trang 33 sgk.  Câu 1: Em hãy thay các số trong mỗi câu bằng một cụm từ thích hợp *từ khóa, liên kết, tìm kiếm thông tin*  a) Máy tìm kiếm là công cụ hỗ trợ ……(1)….. trên internet theo yêu cầu của người sử dụng  b) Kết quả tìm kiếm là danh sách các …. (2) …  c) Cần chọn ….(3)… phù hợp  Câu 2: Sử dụng máy tìm kiếm em sẽ nhận được kết quả là gì?  A. Danh sách liên kết trỏ đến các trang web có chứa các từ khóa.  B. Nội dung thông tin cần tìm kiếm trên một trang web.  C. Danh sách địa chỉ các trang web có chứa thông tin cần tìm.  D. Danh sách liên kết dạng văn bản.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Suy nghĩ, tìm hiểu trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - Gọi một số cá nhân trả lời.  **Câu 1**. (1)*tìm kiếm thông tin*,(2)*liên kết*, (3) *từ khóa*  **Câu 2.** Đáp án A  **\* Kết luận, nhận định 1**  GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuẩn kiến thức. | HS trả lời câu hỏi 1; 2 trang 33 sgk. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  GV yêu cầu HS làm bài tậpphần luyện tập trang 35 sgk.  Câu 1: Khi tìm kiếm bằng máy tìm kiếm, kết quả là danh sách liên kết dưới dạng nào?  A. Văn bản B. Hình ảnh   1. Video D. Văn bản, hình ảnh, video.   Câu 2: Để tìm kiếm thông tin về lớp vỏ Trái Đất, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?  A. Trái Đất B. Lớp vỏ Trái Đất   1. “lớp vỏ Trái Đất” D “lớp vỏ” + “Trái Đất”   **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Suy nghĩ, tìm hiểu trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - Gọi một số cá nhân trả lời.  Câu 1. Đáp án D Câu 2.Đáp án C  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chốt kiến thức. | HS làm bài tập phần luyện tập trang 35 sgk. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và các thông tim tìm được về một vấn đề nào đó.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  GV yêu cầu HS thực hành Câu 1 phần vận dụng trang 35 sgk:  Em hãy tìm thông tin về Văn Miếu – Quốc Tử Giám trên mạng internet.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hành yêu cầu theo nhóm đã phân chia theo vị trí máy.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - Gọi đại diện một vài nhóm lên thực hiện, cả lớp theo dõi.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1**  GV đánh giá, nhận xét, sửa chữa sai sót của học sinh.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập2**  GV yêu cầu HS thực hành Câu 2 phần vận dụng trang 35 sgk:  Gia đình em có kế hoạch đi du lịch thành phố Hạ Long. Mẹ nhờ em tìm thông tin về thời tiết và một số địa danh ở đó để tham quan. Em hãy sử dụng máy tìm kiếm để:  a) Em hãy tìm thông tin về thời tiết ở thành phố Hạ Long trong tuần này.  b) Em hãy tìm những điểm tham quan đẹp ở thành phố Hạ Long.  c) Em hãy sao chép và lưu các thông tin, hình ảnh vào một tệp văn bản để giới thiệu với các thành viên trong gia đình.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ2**  HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà thực hành cá nhân theo yêu cầu.  **\* Báo cáo, thảo luận2**  HS giới thiệu kết quả thực hành của mình với phụ huynh.  Hoặc báo cáo kết quả thực hành vào đầu tiết sau.  **\* Kết luận, nhận định2:** GV đánh giá, nhận xét, cho điểm. | HS thực hành Câu 1 phần vận dụng trang 35 sgk.  HS thực hành Câu 2 phần vận dụng trang 35 sgk. |

**Hướng dẫn về nhà:**

- Làm Câu 2 phần vận dụng trang 35 sgk.

- Xem trước bài mới: Bài 8. Thư điện tử

*Tiết PPCT: 13, 14 Ngày soạn: 03/12/2023*

*Tuần : 13,14 Lớp dạy: 6a1, 6a2*

**BÀI 8: THƯ ĐIỆN TỬ**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu: SP Tin 6 Anh Nguyet + Pham Huy**

**1. Về kiến thức:học sinh sẽ có được kiến thức:**

- Hiểu biết về thư điện tử, ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác.

- Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử.

- Biết cách đăng ký tài khoản thư điện tử.

- Hiểu biết và thực hiện được các thao tác: đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất thư điện tử.

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp. Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm Thư điện tử, dịch vụ thư điện tử, tài khoản thư điện tử.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**2.2. Năng lực Tin học:**

**Năng lực A (NLa):**

- Biết sử dụng, quản lý công cụ Thư điện tử (E-mail): gửi thư điện tử, lưu trữ dữ liệu, thông tin và trao đổi thông tin qua thư điện tử.

**Năng lực B (NLb):**

- Biết ứng xử phù hợp trong môi trường số: thư điện tử.

**Năng lực C (NLc):**

- Nhận biết được tầm quan trọng của thư điện tử, ưu nhược điểm của dịch vụ thư điện tử.

- Nhận biết tài khoản thư điện tử, cách đăng ký tài khoản thư điện tử, thao tác đăng nhập, soạn, gửi, xem, đăng xuất tài khoản thư điện tử.

**Năng lực D (NLd):**

- Biết truy cập trang web mail.google.com sử dụng tài khoản thư điện tử để trao đổi thông tin trong học tập và tự học bằng các phương tiện điện tử có kết nối mạng.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực. Học sinh tích cực học hỏi kiến thức mới, nhiệt tình tham gia thảo luận nhóm.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan, mạnh dạn nêu lên ý kiến của mình.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, tivi hoặc máy chiếu.

**2. Học liệu:**

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo, giáo án, video minh họa, một số bức thư gửi bưu điện, thư điện tử, vài hình ảnh về các phương thức liên lạc khác, PHT.

- HS: SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn. Tìm hiểu trước về kiến thức thư điện tử cùng các phương thức liên lạc khác.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

- Biết các phương thức liên lạc khác nhau trong lịch sử, các phương tiện gửi thư đã được sử dụng trong cuộc sống.

**b) Nội dung:**

- HS xem video, quan sát hình ảnh minh họa, vận dụng hiểu biết và kiến thức cơ bản hoàn thành các câu hỏi về các phương thức, phương tiện gửi thư khác nhau.

**c) Sản phẩm:**

- Phân biệt được các phương thức, phương tiện gửi thư khác nhau.

**d) Tổ chức thực hiện:**Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét.

*Yêu cầu:* Thảo luận nhóm đôi (2 em) vào PHT.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV trình chiếu đoạn video ngắn giới thiệu về 3 phương thức liên lạc gửi thư khác nhau từ xưa đến nay (1 phút). Kết thúc đoạn video, GV trình chiếu 3 hình ảnh trong SGK. Sau đó yêu cầu các nhóm cho biết:    + Có các phương thức liên lạc khác nhau nào?  + Ngày nay, thì phương thức nào là phổ biến nhất?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi vào PHT theo yêu cầu của giáo viên.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Mời HS đại diện của 2-3 nhóm trình bày.  - HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm của mình:  Các phương thức liên lạc khác nhau trong 3 hình ảnh đó là:  + Hình ảnh 1: Dùng bồ câu đưa thư  + Hình ảnh 2: Thả thư vào hộp thư có sẵn bên đường hoặc trong bưu điện.  + Hình ảnh 3: Dùng máy tính có kết nối mạng để gửi thư.  Phương thức 3 là phương thức phổ biến nhất: Dùng máy tính có kết nối mạng để gửi thư.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá thái độ và hiệu quả làm việc của từng nhóm. Tuyên dương các nhóm có kết quả tốt và góp ý cho các nhóm còn lại. GV chốt ý. Từ đó hướng HS nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiến thức mới. | **Bài 8: THƯ ĐIỆN TỬ**  Các phương tiện gửi thư từ xưa đến nay:  1. Chim bồ câu đưa thư  2. Gửi thư bưu điện  3. Gửi thư điện tử.  🡪 Dùng máy tính có kết nối mạng để gửi thư hay còn gọi là gửi thư điện tử là phương thức liên lạc qua thư phổ biến nhất hiện nay. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Thư điện tử. Tài khoản thư điện tử**

**a) Mục tiêu:**

- HS nắm được các khái niệm về thư điện tử, dịch vụ thư điện tử.

- Hiểu biết về tài khoản thư điện tử.

- Nhận biết đúng địa chỉ thư điện tử.

**b) Nội dung:**

- HS quan sát một số bức thư viết tay và thư điện tử, đọc SGK, hoạt động nhóm trả lời câu hỏi liên quan đến kiến thức: Thư điện tử, tài khoản thư điện tử.

**c) Sản phẩm:**

- Trả lời đúng các câu hỏi, hoàn thành bài tập nhóm, cá nhân được giao:

+ Trình bày được cách gửi thư qua đường bưu điện, sự giống và khác nhau so với gửi thư điện tử.

+ Trình bày được khái niệm thư điện tử, dịch vụ thư điện tử

+ Nhận biết địa chỉ thư điện tử, cú pháp của thư điện tử, tài khoản thư điện tử.

**d) Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét.

*Yêu cầu:* Chia lớp thành 6 nhóm. HS Thảo luận nhómvào bảng phụ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV đưa ra một số bức thư viết tay, 1 số hình ảnh trực quan về một vài thư điện tử đã nhận hoặc gửi đi. Sau đó nêu vấn đề, đưa ra các câu hỏi trong SGK và yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi vào bảng nhóm trong hoạt động tìm hiểu kiến thức mới:  *Câu 1.* Để soạn và gửi một bức thư qua đường bưu điện đến tận tay người nhận thì cần những gì và thực hiện như thế nào?  *Câu 2.* Em biết gì về thư điện tử? Tài khoản thư điện tử?  *Câu 3.* Theo em: Cách gửi thư điện tử và gửi thư truyền thống thì có gì giống và khác nhau?  - Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các nhóm hoặc cá nhân gặp khó khăn khi cần. Cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - HS các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả thảo luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - Kết thúc thảo luận, GV cho các nhóm treo kết quả thảo luận nhóm mình trên bảng đen và mời đại diện (2-3 nhóm) báo cáo kết quả.  - HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm của mình:  *Câu 1:*  + Chuẩn bị: Bút, giấy, bì thư, tem, phí gửi  + Cách thực hiện: viết thư bỏ vào bì thư ghi địa chỉ người nhận, dán tem, mang ra bưu điện gửi trả phí gửi. Bưu điện lưu thư chờ phương tiện như xe máy, ô tô, máy bay, … mang thư đi đến địa chỉ người nhận.  *Câu 2:*  + Thư điện tử là thư được gửi và nhận bằng phương tiện điện tử (máy tính, điện thoại thông minh) có kết nối mạng.  + Tài khoản thư điện tử có hộp thư điện tử gắn với địa chỉ thư điện tử. Người mở tài khoản có mật khẩu để bảo mật.  *Câu 3:* HS trả lời theo sự hiểu biết của HS (Nêu được sự giống nhau và khác nhau về việc chuẩn bị và cách thực hiện gửi thư điện tử và gửi thư truyền thống: bức thư được viết như thế nào? Địa chỉ nhận thư như thế nào? Sử dụng công cụ và phương tiện nào? Cách gửi thư như thế nào?..)  - Giáo viên tổ chức nhận xét (mời các nhóm khác nhận xét) kết quả của nhóm bạn. Có thể cho học sinh tranh luận với nhau để tìm được đáp án chính xác nhất.  **\* Kết luận, nhận định 1**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt ý. Học sinh chú ý lắng nghe, ghi nhận kiến thức.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - GV nhấn mạnh lại nội dung của phần hoạt động: Mở đầu (khởi động) và qua hoạt động 1 trả lời câu hỏi, dẫn dắt vào học bài mới: Thư điện tử.  - GV giới thiệu hiện nay có một số nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử miễn phí: Google (Gmail), Outlook.com của Microsoft, iCloud Mail, Yahoo, AOL Mail,...  - GV yêu cầu HS đọc phần nội dung kiến thức mới.  Thảo luận nhóm bằng phương pháp công đoạn và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  ***Nhóm 1, 2, 3:*** Câu 1: Hãy nêu thư điện tử là gì? Dịch vụ thư điện tử là gì?  ***Nhóm 4, 5, 6:*** Câu 2: Xem hình 3.9 trang 33 phân tích cú pháp của địa chỉ thư và giải thích?  - Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các nhóm hoặc cá nhân gặp khó khăn khi cần. Cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - HS các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả thảo luận ghi vào bảng nhóm.  - HS các nhóm chuyền nhau bảng nhóm (1-4, 2-5, 3-6) để hoàn thành 2 câu hỏi trên vào bảng nhóm của các nhóm mình.  - HS phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - Kết thúc thảo luận, GV cho 3 nhóm đại diện 3 cặp nhóm trên (1-4, 2-5, 3-6) treo kết quả thảo luận nhóm mình trên bảng đen và mời đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm của mình:  *Câu 1:*  Thư điện tử là thư được gửi và nhận bằng phương tiện điện tử.  Dịch vụ thư điện tử cung cấp các chức năng để soạn, gửi, nhận, chuyển tiếp, lưu trữ và quản lí thư điện tử cho người sử dụng.  *Câu 2:*  Cú pháp địa chỉ thư điện tử: <tên đăng nhập>@<địa chỉ máy chủ thư điện tử>  - Tên đăng nhập: Do người sử dụng tự chọn khi đăng kí tài khoản thư điện tử  - Địa chỉ máy chủ thư điện tử: Do nhà cung cấp dịch vụ quy định  - Mật khẩu: Do người sử dụng tự chọn khi đăng kí.  - Giáo viên tổ chức nhận xét (mời các nhóm khác nhận xét) kết quả của nhóm bạn.Cho HS chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  **\* Kết luận, nhận định 2**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. Học sinh chú ý lắng nghe, ghi nhận kiến thức.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1; 2 trang 37- SGK.  - HS hoạt động nhóm đôi (2 em) và trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  *Câu 1.* Dịch vụ thư điện tử là gì?  Câu *2.* Địa chỉ thư điện tử nào sau đây không đúng? Tại sao?  - Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ khi cần.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3**  - HS hoạt động nhóm đôi, nghiên cứu và trả lời câu hỏi vào vở bài tập trong thời gian qui định.  - GV quan sát, hỗ trợ khi cần.  **\* Báo cáo, thảo luận 3**  - Kết thúc thời gian suy nghĩ, thảo luận, GV mời đại diện các nhóm (2-3 nhóm) xung phong trả lời từng câu hỏi.  - HS đại diện nhóm báo cáo kết quả câu trả lời của nhóm mình.  *Câu 1:*  Dịch vụ thư điện tử là dịch vụ cung cấp các chức năng soạn thảo, gửi, nhận, chuyển tiếp, lưu trữ và quản lý thư điện tử cho người sử dụng.  *Câu 2:*  Địa chỉ B sai vì thiếu dấu @ và thừa dấu “.” trước chữ “gmail” của tên.  - Giáo viên tổ chức nhận xét (mời các nhóm khác nhận xét) kết quả của nhóm bạn.Có thể cho học sinh tranh luận với nhau để tìm được đáp án chính xác nhất.  **\* Kết luận, nhận định**  - Cho điểm cộng các nhóm trả lời đúng.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức toàn bộ hoạt động về thư điện tử, tài khoản thư điện tử.  - Học sinh chú ý lắng nghe, ghi nhận kiến thức.  *GV lưu ý HS:*  - Khi tạo tài khoản thư điện tử cần chú ý: Điều kiện trẻ vị thành niên đăng ký tài khoản thư điện tử như thế nào. Việc đặt tên cũng như tạo mật khẩu đảm bảo an toàn cho tài khoản thư điện tử. | **1. Thư diện tử, tài khoản thư điện tử**  - Thư điện tử là thư được gửi và nhận bằng phương tiện điện tử  - Dịch vụ thư điện tử cung cấp các chức năng để soạn, gửi, nhận, chuyển tiếp, lưu trữ và quản lí thư điện tử cho người sử dụng.  - Địa chỉ thư điện tử có dạng: <tên đăng nhập>@<địa chỉ máy chủ thư điện tử>  Tên đăng nhập: Do người sử dụng tự chọn khi đăng kí tài khoản thư điện tử  Địa chỉ máy chủ thư điện tử: Do nhà cung cấp dịch vụ quy định  Mật khẩu: Do người sử dụng tự chọn khi đăng kí. |

**Hoạt động 2.2: Ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử**

**a) Mục tiêu:**

- Biết được ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử

- Những ưu điểm đó đem lại những lợi ích gì cho hoạt động của con người, cho xã hội.

**b) Nội dung:**

- Tham gia trò chơi, sau đó yêu cầu HS đọc SGK, thảo luận nhóm tìm hiểu về ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử.

**c) Sản phẩm:**

- HS hoàn thành trò chơi và hoạt động thảo luận nhóm:

+ Trình bày được ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử trong hoạt động của con người và xã hội.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- HS chơi Trò chơi “**Tiếp sức**”: GV đưa ra luật chơi, nội dung câu hỏi trò chơi.

*Yêu cầu:*- Chia lớp thành 2 đội chơi. Đội A, đội B (hoặc có thể cho HS tự đặt tên cho đội chơi của mình). Mỗi đội chơi chọn 5 em HS xung phong đại diện cho đội chơi lên bục giảng tham gia trò chơi.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Y/C học sinh tìm hiểu nội dung mục 2 SGK trong vòng 2 phút. Sau đó giáo viên chia đội chơi.  - *Luật chơi:* Thời gian: 3 phút  Mỗi đội cử ra các thành viên của đội mình lần lượt lên bảng hoàn thành câu trả lời. Hết thời gian quy định mà đội nào hoàn thành bài tập nhanh nhất và đúng nhất thì đội đó sẽ chiến thắng.  - GV trình chiếu câu hỏi:  *? Theo em dịch vụ thư điện tử có những ưu điểm và nhược điểm gì so với các phương thức liên lạc khác*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - HS tham gia trò chơi hào hứng.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - Hết thời gian chơi, Yêu cầu đại diện 2 đội chơi lên trình bày câu trả lời của đội mình.  - HS nêu được ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử:  *+ Ưu điểm:* gửi và nhận nhanh, kịp thời; Có thể gửi thư cùng lúc cho nhiều người; Có thể gửi kèm được các tệp thông tin khác nhau như văn bản, âm thanh, hình ảnh, …; Chi phí thấp, có nhiều dịch vụ thư điện tử miễn phí; Lưu trữ và tìm kiếm thư dễ dàng  *+ Nhược điểm:* phải sử dụng phương tiện điện tử kết nối mạng, có thể gặp một số nguy cơ, phiền toái.  - Mời các em HS còn lại tham gia ý kiến về 2 đội chơi. Thảo luận và góp ý nếu có.  **\* Kết luận, nhận định 1**  - GV nhận xét, đánh giá kết quả 2 đội chơi. Tuyên dương các đội chơi tốt. Trao phần quà xinh xắn cho đội hoàn thành trò chơi xuất sắc hơn.  - GV chốt ý. Học sinh chú ý lắng nghe, ghi nhận kiến thức.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trang 38 SGK.  - HS thảo luận nhóm đôi (2 em) và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành câu hỏi sau:  *Câu 1.* Em hãy nêu các ưu điểm và hạn chế của dịch vụ thư truyền thống. Các điểm đó đã thay đổi thế nào khi ta sử dụng dịch vụ thư điện tử?  *Câu 2.* Cho ví dụ về dịch vụ thư điện tử có ưu điểm hơn so với dịch vụ thư truyền thống.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - HS hoạt động nhóm đôi, nghiên cứu và trả lời câu hỏi vào vở bài tập trong thời gian qui định.  - GV quan sát, hỗ trợ khi cần.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - HS củng cố kiến thức hoạt động 2 bằng cách thảo luận nhóm đôi, đại diện nhóm xung phong trả lời câu hỏi:  *Câu 1:*  *+ Ưu điểm:*  Dịch vụ thư truyền thống có thể chuyển thư bằng các phương tiện khác nhau: máy bay, tàu, xe, người,.. tới mọi nơi không cần các thiết bị điện tử, kết nối mạng  *+ Hạn chế:*  Chi phí cao, thời gian chuyển thư dài, số lượng thư gửi và nhận bị hạn chế, có thể bị chuyển nhầm hoặc thất lạc. Có trường hợp gặp thư phá hoại như là thư có tẩm thuốc độc,..  - Dịch vụ thư điện tử ra đời đã giúp cho dịch vụ thư truyền thống giảm bớt những khó khăn, khắc phục được nhiều hạn chế, số lượng thư gửi qua đường bưu điện đã giảm rất nhiều, các chi phí cho việc vận chuyển này cũng giảm đáng kể.  *Câu 2:*  + *Ví dụ:* Khi soạn một bức thư, chúng ta có thể gửi đến nhiều người cùng lúc bằng dịch vụ gửi thư điện tử. Còn dịch vụ gửi thư truyền thống thì không thể vì 1 bức thư chỉ có thể gửi đến 1 địa chỉ người nhận duy nhất.  - Các HS nhóm khác nhận xét câu trả lời của các nhóm bạn, bổ sung, góp ý.  **\* Kết luận, nhận định 2**  - GV nhận xét, đánh giá kết quả các nhóm. Tuyên dương các nhóm trả lời tốt. Cho điểm cộng các nhóm trả lời đúng.  - GV chốt kiến thức. Học sinh chú ý lắng nghe, ghi nhận kiến thức.  *GV lưu ý cho HS:*  - Không nên sử dụng thư điện tử vào mục đích không lành mạnh, vi phạm pháp luật. | **2. Ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử**  - Ưu điểm của dịch vụ thư điện tử: chi phí thấp, tiết kiệm thời gian, thuận tiện,..  - Nhược điểm: phải sử dụng phương tiện điện tử kết nối mạng, có thể gặp một số nguy cơ, phiền toái. |

**Hoạt động 2.3: Thực hành: đăng ký tài khoản, đăng nhập, đăng xuất và gửi thư điện tử**

**a) Mục tiêu:**

- HS sử dụng Gmail, thực hiện theo hướng dẫn để tạo một tài khoản thư điện tử.

- HS thực hiện được các thao tác: đăng nhập hộp thư, soạn thư, gửi thư, xem thư, đăng xuất

**b) Nội dung:**

- HS đọc sách giáo khoa, thực hành dưới sự hướng dẫn của GV trên máy có kết nối internet.

**c) Sản phẩm:**

- HS lập được một hộp thư Gmail, thực hiện được các thao tác: đăng nhập hộp thư, soạn thư mới và gửi thư cho bạn, nhận và xem thư,

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  **-** Trước buổi học: GV kiểm tra hoạt động của các máy tính có kết nối internet.  **-** GV bố trí số HS thực hành trên mỗi máy (tùy điều kiện phòng máy của nhà trường).  - GV đặt vấn đề như SGK/T34: Hiện nay có nhiều website cung cấp miễn phí dịch vụ thư điện cho người sử dụng.  - GV yêu cầu HS cả lớp đọc SGK/T34. - - *Em hãy cho biết nhiệm vụ học tập phần này là gì?*  - 1 HS thông báo nhiệm vụ trước lớp như SGK/T34: Tạo một tài khoản thư điện tử mới trên website mail.google.com (hay gmail.com) Đăng nhập hộp thư, xem nội dung, soạn thư mới và gửi thư.  - HS cả lớp ghi nhớ nhiệm vụ.  - GV hướng dẫn HS tạo tài khoản thư điện tử qua các slide trên máy chiếu.  - HS cả lớp nghiên cứu SGK/T34, quan sát hướng dẫn của GV (thảo luận cặp đôi nếu ngồi theo nhóm) thực hành luôn trên máy tính để tạo tài khoản thư điện tử.  - 2 HS lên thuyết trình và trực tiếp thực hành tạo tài khoản thư điện tử.  - HS cả lớp thực hành.  - GV quan sát HS, hướng dẫn các nhóm HS nếu cần.  - *Khi tạo tài khoản thư điện tử cần lưu ý điều gì?*  - HS: Theo quy định của Google, trẻ vị thành niên (dưới 15 tuổi) cần có sự đồng ý, trợ giúp và quản lí của phụ huynh nếu muốn đăng ký tài khoản thư điện tử.  - GV lưu ý HS:  + *Tại Việt Nam độ tuổi trẻ vị thành niên là dưới 16 tuổi.*  *+ Khi tạo mật khẩu nên sử dụng 8 ký tự kết hợp chữ cái, chữ số và ký tượng.*  *+ Khi em đăng nhập tài khoản thư điện tử, cần dùng thời gian quan sát các mục trong hộp thư.* | **3. Thực hành: đăng ký tài khoản, đăng nhập, đăng xuất và gửi thư điện tử**  - Nhiệm vụ : SGK/T34  ***a) Tạo tài khoản thư điện tử:***  1. Truy cập trang mail.google.com.  2. Nháy chuột vào nút **Tạo tài khoản**.  3. Nhập đầy đủ thông tin vào các dòng trên cửa sổ theo hướng dẫn.  4. Nháy chuột vào nút **Tiếp theo.**  5. Xác nhận số điện thoại (nếu có).  6. Thực hiện theo hướng dẫn.  7. Cuối cùng xuất hiện thông báo **Chào mừng bạn.**    ***\**** *Lưu ý*: Em cần ghi nhớ mật khẩu và tên đăng nhập. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS tìm hiểu thông tin trong SGK/T34, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi: *Để đăng nhập hộp thư điện tử, xem nội dung thư và đăng xuất hòm thư em làm thế nào?*  - 2 HS trả lời (có thể yêu cầu HS thực hành luôn, nếu HS trả lời đúng và thực hành tốt GV cho các nhóm HS 3 phút thực hành).  - GV thuyết trình và thực hành trực tiếp để HS cả lớp quan sát, sau đó các nhóm HS thực hành trên máy.  - GV quan sát HS, hướng dẫn các nhóm HS nếu cần.  *- Khi nào ta đăng xuất khỏi hộp thư?*  - HS: Đăng xuất khi không dùng hộp thư điện tử để tránh bị người khác sử dụng. | ***b) Đăng nhập hộp thư điện tử, xem nội dung thư và đăng xuất.***  1. Truy cập vào trang mail.google.com  2. Đăng nhập vào hộp thư.    3. Hộp thư mở ra với danh sách các thư trong Hộp thư đến.    4. Nháy chuột vào **Tên người gửi** hoặc **Tiêu đề thư** để mở thư.  5. Nháy chuột vào nút **Đăng xuất** để ra khỏi hộp thư điện tử.  ***\**** *Lưu ý*: Đăng xuất khi không dùng hộp thư điện tử để tránh bị người khác sử dụng. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  GV yêu cầu HS tìm hiểu thông tin trong SGK/T35, hoạt động nhóm 2 phút trả lời câu hỏi:  *- Em hãy nêu các thao tác cần thực hiện để soạn thư mới và gửi thư?*  - HS hoạt động theo nhóm, hoàn thành bảng nhóm, đại diện nhóm lên thuyết trình và thực hành.  - HS các nhóm khác nhận xét chéo, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung, đánh giá kết hoàn thành bài của các nhóm. GV khắc sâu kiến thức.  - GV lưu ý HS:  + *Khi viết email cũng như viết thư thông thường, người viết cần sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, lời lẽ lịch sự, văn minh và bố cục trình bày một bức thư đảm bảo thẩm mỹ*.  + *Không viết những thông tin quá riêng tư lên email.*  *+ Chủ đề thư cần ngắn gọn, đại diện cho nội dung thư.*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động độc lập, hoặc thảo luận cặp đôi, hoạt động nhóm hoàn thành yêu cầu của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, trình bày kết quả của nhóm mình, các nhóm khác nhận xét chéo bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả bài làm của các nhóm, chốt lại kiến thức.  - Nhận xét ý thức của HS trong thời gian thực hành. | ***c) Soạn thư mới và gửi***  **Screenshot_5**  1. Nháy chuột vào nút lệnh **soạn thư**  2. Nhập **địa chỉ e-mail** (gmail, yahoo, …) cần gửi đến trong ôngười nhận  3. Nhập **tiêu đề thư** trong ô Chủ đề  4. Nhập nội dung thư  5. Gửi kèm tệp (nếu có)  6. Nháy chuột vào nút lệnh **Gửi**. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS ôn luyện, khắc sâu kiến thức đã học.

**b) Nội dung:**

- Vận dụng kiến thức đã họcvề Thư điện tử và sự hiểu biết của HS để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:**

- Hoàn thành và trả lời đúng các câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV tổ chức trò chơi **“Ai nhanh ai đúng”.**

*Yêu cầu:* Hoạt động cá nhân từng HS.

Giáo viên tổ chức trò chơi, các em HS tham gia trò chơi bằng cách trả lời câu hỏi.

Mỗi em trả lời đúng sẽ được 1 điểm cộng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV trình chiếu các câu hỏi trong trò chơi. Yêu cầu HS trả lời 4 câu hỏi sau:  1. *Thư điện tử có hạn chế nào dưới đây so với các phương thức gửi thư khác?*  A. Không đồng thời gửi được cho nhiều người.  B. Thời gian gửi thư lâu  C. Phải phòng tránh virut, thư rác  D. Chi phí thấp  2. *Một người có thể mở được nhiều tài khoản thư điện tử không?*  3. *Khi tạo tài khoản thư điện tử em không cần khai báo gì?*  A. Họ và tên  B. Ngày sinh  C. Địa chỉ nhà  D. Hộp thư của phụ huynh  4. *Địa chỉ nào sau đây là địa chỉ thư điện tử?*  A. [www.nxbgd.vn](http://www.nxbgd.vn).  B. thu\_hoai.432@yahoo.com.  C. Hoangth&hotmail.coim.  D. Hoa675439@gf@gmail.com.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ và áp dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trong thời gian qui định. (xung phong).  - HS tham gia trò chơi hào hứng.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Hết thời gian quy định mỗi câu hỏi, GV mời HS xung phong trả lời câu hỏi.  - HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.  - HS khác xung phong trả lời lại nếu câu trả lời của bạn chưa đúng.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương, và cộng điểm cho các em học tốt, khuyến khích các em còn lại tích cực tham gia hoạt động, học tập. | 1. Đáp án C  2. Một người có thể mở được nhiều tài khoản thư điện tử với các tên khác nhau. Mỗi hộp thư sẽ có một địa chỉ riêng, không bao giờ trùng với địa chỉ thư điện tử khác.  3. Đáp án C  4. Đáp án B |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- HS xác định được thư nào là thư rác, soạn được một bức thư điện tử có kèm ảnh gửi cho bạn.

**b) Nội dung:**

- HS hoàn thành các bài tập 1; 2 phần vận dụng SGK/T36

**c) Sản phẩm:**

- Đáp án bài tập 1 SGK/T36.

- Bức thư điện tử có kèm ảnh gửi cho bạn của mỗi HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV chiếu đề bài 1- SGK/T36  - HS thảo luận nhóm theo cặp đôi hoàn thành trên phiếu học tập.  - GV chữa bài một số phiếu học tập có câu trả lời khác nhau, yêu cầu HS giải thích.  - HS nhận xét, bổ sung.  - GV đưa ra đáp án: **A, C, D, F**  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - HS đọc đề bài 2-SGK/T36  - GV yêu cầu HS thực hành trong thời gian 7 phút.  - HS thực hành.  - GV quan sát HS làm việc đảm bảo các em thực hiện theo đúng nội dung yêu cầu.  - GV đưa ra biểu điểm đánh giá sản phẩm của HS  - HS vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài tập 2 ***-*** SGK/T36  - GV cho HS nhận xét, đánh giá bài làm của HS.  **HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động độc lập, hoàn thành yêu cầu của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, trình bày kết quả của mình, các HS khác nhận xét bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả bài làm của các nhóm, chốt lại kiến thức.  - Nhận xét ý thức của HS trong thời gian thực hành.  - Chấm điểm | ***Bài 1- SGK/T36:* Em hãy xác định xem thư nào có thể là thư rác trong các thư điện tử với tiêu đề như sau:**  A. Cơ hội đầu tư kiếm được nhiều tiền hơn.  B. Danh sách học sinh tham gia thi học sinh giỏi môn Tin học.  C. Quà tặng miễn phí, hãy nháy chuột nhanh.  D. Bạn đã trúng một chuyến đi miễn phí đến Mỹ.  E. Ảnh tập thể lớp 6A ngày khai trường.  F. Khuyến mãi, ưu đãi giá rẻ cho bạn.  ***Bài 2- SGK/T36: Em hãy soạn một bức thư điện tử có gửi kèm ảnh (hoặc tệp văn bản, thiệp chúc mừng…) cho bạn hoặc người thân của em.***   |  |  | | --- | --- | | Yêu cầu | Biểu điểm (điểm) | | Đăng nhập, soạn thư mới | 1 | | Chủ đề | 1 | | Nhập nội dung gõ đúng chính tả, ngôn từ rõ ràng, lời lẽ lịch sự, văn minh. | 3 | | Kèm tệp (ảnh, văn bản,…) | 2 | | Thẩm mỹ | 1 | | Địa chỉ hộp thư người nhận | 1 | | Gửi thư thành công | 1 |   \* Một số hình ảnh minh họa: |

*Tiết PPCT: 15,16 Ngày soạn: 17/12/2023*

*Tuần : 15,16 Lớp dạy: 6a1, 6a2*

**BÀI 9: AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET**

Thời gian thực hiện: (02 tiết)

**I. Mục tiêu: SP Tin 6 Anh Nguyet + Pham Huy**

**1. Về kiến thức:** Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về:

- Biết một số tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet. Nêu và thực hiện được một số biện pháp phòng ngừa.

- Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể.

- Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân.

- Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp.

- Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.

**2. Về năng lực:**

- HS hình thành và phát triển được tư duy logic, khả năng phán đoán và giải quyết vấn đề.

- Nội dung gắn liền kiến thức với thực tế, nhắm kết nối tri thức với cuộc sống.

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**2.2. Năng lực Tin học**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

- Phát triển năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

**-** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3. Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẳn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá..

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:**

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo

- HS: SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

- HS nêu được rắc rối mà Minh gặp phải.

**-** Tạo động cơ để học sinh có mong muốn tìm hiểu về nội dung an toàn thông tin trên internet.

**b) Nội dung:**

**+** Bài tập tình huống trong sách giáo khoa.

Học sinh đóng vai hai bạn Minh và An thể hiện đoạn hội thoại trước lớp. Qua đó GV nêu vấn đề dẫn dắt vào bài học.

**c) Sản phẩm:** Họcsinh nêu được các nguy cơ gây hại mà người sử dụng Internet có thể gặp phải.

**d) Tổ chức thực hiện:** Yêu cầu học sinh đóng vai và thể hiện trước lớp. Cho các nhóm thảo luận nhanh, để trả lời câu hỏi.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hai bạn HS đóng vai bạn An và Minh thể hiện đoạn hội thoại trong SGK/ khởi động trước lớp.  - Cả lớp cùng quan sát và thảo luận trả lời câu hỏi:  Câu 1: Đoạn hội thoại trên nói về vấn đề gì?  Câu 2: Khi sử dụng internet thì mọi thông tin có an toàn không? Nếu có thì nó các các nguy cơ gây hại mà người sử dụng Internet có thể gặp phải như thế nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  + Hai Hs được chọn đóng vai đoạn hội thoại theo yêu cầu của giáo viên.  + Cả lớp quan sát, lắng nghe và thảo luận.  **\* Báo cáo, thảo luận**  + Gv tổ chức hoạt động  + HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  Sau khi thực hiện xong bài tập giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả học sinh đã báo cáo. Từ đó hướng hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiên thức mới. | Bạn Minh đã gặp phải vấn đề là máy tính có thể bị nhiễm virus.  Khi máy tính gặp phải tình trạng trên các em cần thận trọng trong việc sử dụng mạng máy tính. Không được tùy tiện mở các trang web độc hại, không nên chia sẻ các thông tin cá nhân của mình, nên mua các phần mềm diệt virus. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

2.1. Tác hại và nguy cơ khi sử dụng internet

**Hoạt động 2.1: Tác hại và nguy cơ**

**a) Mục tiêu:**

- HS nêu được rắc rối mà Minh gặp phải.

- HS nêu được các nguy cơ gây hại mà người sử dụng có thể gặp trên Internet.

- HS nhận thức được mức độ gây hại của các nguy cơ đó.

**b) Nội dung:** Tác hại của nguy cơ sử dụng internet

**c) Sản phẩm:** HS trình bày được các tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet

**d) Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV nêu mục đích, yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước cả lớp. Chia nhóm HS.  Nội dung thảo luận:  **Câu 1:** Bạn Minh đã gặp phải rắc rối gì?  **Câu 2**: Tác hại của nguy cơ khi sử dụng internet?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm:  **Câu 1:** Bạn Minh có nguy cơ mất dữ liệu do máy tính bị nhiễm virus  **Câu 2:** Tác hại và nguy cơ khi sử dụng internet:  Người sử dụng có thể bị đánh cắp và phát tán thông tin cá nhân, từ đó bị đe doạ, bị bắt nạt; trẻ em bị xâm hại tình dục (hình ảnh, video,…); bị lừa đảo, dụ dỗ; có thể bị nhận tin giả, hoặc bị lôi kéo vào việc bất hợp pháp,…  - Máy tính có thể bị nhiễm virus hay mã độc.  - Trẻ em dành quá nhiều thời gian trên mạng để lướt web, chơi game dẫn đến nghiện mạng xã hội, sống ảo, nghiện game….  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  Gv: nhận xét, đánh giá, bổ sung.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  + GV yêu cầu HS đọc phần nội dung kiến thức mới về tác hại và nguy cơ khi dùng internet và trả lời câu hỏi sau:  Khi sử dụng internet có tác hại và nguy cơ gì?  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời  **\* Báo cáo kết quả**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  Yêu cầu Hs đọc và trả lời 02 câu hỏi ở SGK trang 43  *Câu 1: Em hãy tìm phương án sai*  Khi sử dụng internet có thể:   1. Bị lôi kéo vào các hoạt động không lành mạnh. 2. Máy tính bị nhiễm virus hay mã độc 3. Tin tưởng mọi nguồn thông tin trên mạng 4. Bị lừa đảo hoặc lợi dụng   *Câu 2: Việc làm nào được khuyến khích sử dụng các dịch vụ internet.*   1. Mở thư điện tử do người lạ gửi 2. Tải các phần mềm miễn phí không được kiểm duyệt 3. Liên tục vào các trang mạng xã hội để cập nhập thông tin 4. Vào trang web để tìm bài tập về nhà   HS: Tiếp cận nhiệm vụ và suy nghĩ trả lời.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân  - Suy nghĩ trả lời.  **\* Báo cáo kết quả**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  Đáp án:  Câu 1: C Câu 2. D  HS: Lắng nghe, ghi bài | **1. Tác hại và nguy cơ khi sử dụng internet.**  + Thông tin ca nhân bị đánh cắp.  + Máy tính bị nhiễm virus hay mã độc.  + Bị lừa đảo dụ dỗ, đe doạ, bắt nạt trên mạng.  + Tiếp nhân thông tin không chính xác.  + Nghiện internet, trò chơi trên mạng. |

**2.2. Một số quy tắc an toàn khi sử dụng internet**

**Hoạt động 2.2: Quy tắc an toàn**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nêu lên được những việc cần làm để tránh gặp phải những nguy cơ, rắc rối khi sử dụng internet.

- HS nêu được các nguy cơ gây hại mà người sử dụng có thể gặp trên Internet.

- HS nhận thức được mức độ gây hại của các nguy cơ đó.

**b) Nội dung:** Quy tắc an toàn.

**c) Sản phẩm:** Các quy tắc khi sử dụng Internet

**d) Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV nêu mục đích, yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước cả lớp. Chia nhóm HS. Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1: Em đã từng sử dụng Internet chưa? Em đã bao giờ gặp phải một trong những nguy cơ trên chưa? Nếu gặp phải, em sẽ làm gì?  Câu 2: Em cần phải làm gì để phòng tránh nguy cơ và tác hại có thể gặp phải khi sử dụng Internet?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người trình bày. Các nhóm thảo luận, trình bày câu trả lời vào bảng nhóm.  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Dự kiến kết quả trả lời câu hỏi .  **Câu 1:** Nhóm trình bày tóm tắt ý kiến cá nhân của các bạn  **Câu 2:** Người sử dụng cần giữ an toàn thông tin cá nhân; tránh gặp gỡ những người quen trên mạng; không tham gia các hội, nhóm mà mình không biết hoặc không lành mạnh; máy tính cần được cài đặt phần mềm chống virus; không nhận thư hay tin nhắn từ người lạ; kiểm tra độ tin cậy của thông tin; không dành quá nhiều thời gian trên mạng, chơi game; chia sẻ với ngươi tin cây về suy nghĩ, tình cảm, những khó khăn hoặc tình huống không mắc phải; dành thời gian nhiều cho học tập, giúp đỡ bố mẹ, đọc sách, các hoạt động thể chất, hoạt động xa hội, tham gia các hoạt động lành mạnh.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  Giáo viên nhận xét, kết luận đánh giá sản phẩm hoạt động của các nhóm.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Yêu cầu Hs đọc phần hộp kiến thức SGK trang 39 và trả lời câu hỏi Theo em phải sử dụng internet như thế nào để được an toàn?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân  - Suy nghĩ trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận**  HS: Trình bày kết quả năm nguyên tắc cần thực hiện để có được sự an toàn khi sử dụng Internet  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  HS: Lắng nghe, ghi bài  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - GV nêu mục đích, yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước cả lớp. Chia nhóm HS thảo luận nhóm để trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:   1. Em có thể đưa ra một giải pháp giữ bí mật thông tin cá nhân không? 2. Trong 5 quy tắc trên, em thấy quy tắc nào quan trọng nhất? Tại sao?   **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.   1. Đặt mật khẩu cho máy tính không chia sẻ thông tin cá nhận và thông tin của người thân, bạn bè trên mạng hay cho người khác ( trừ trường hợp cần thiết),… 2. HS có thể trả lời theo ý kiến riêng của mình.   GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét đánh giá các nhóm thông qua trả lời của học sinh.  - GV chốt kiến thức. | **2. Một số quy tắc sử dụng internet an toàn:**  Thông tin phải giữ ***AN TOÀN*** .  Chớ nên ***GẶP GỠ*** người bạn mới quen.  Không ***CHẤP NHẬN*** chớ có quyên.  Tăng độ ***TIN CẬY***, điều nên giữ gìn.  ***NÓI RA*** với người bạn tin.  Năm ***QUY TẮC*** đó nên ghi trong lòng. |

**2.3. An toàn thông tin**

**Hoạt động 2.3: Bảo vệ thông tin cá nhân**

**a) Mục tiêu:** HS biết bảo vệ thông tin cá nhân.

**b) Nội dung:** Bảo vệ thông tin cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Một số cách bảo vệ thông tin cá nhân.

**d) Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  Gv nêu mục đích, yêu cầu thảo luận nhóm, chia nhóm Hs thảo luận và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  1. Sau giờ thực hành ở phòng máy, bạn Minh quyên đăng xuất khỏi tài khoản thư điện tử của mình và một ai đó đã dùng tài khoản thư điện tử của mình để gửi nội dung không hay cho người khác. Theo em, điều gì sẽ sảy ra với bạn Minh?  2. Nếu thấy đường liên kết hoặc thư điện tử có chủ đề gây tò mò được gửi từ một người không quen biết thì em sẽ làm gì?  3. Em hãy nêu một vài cách để bảo vệ tài khoản thư điện tử.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Dự kiến kết quả qua trả lời câu hỏi:   1. Một số người nhận thư có thể tỏ thái độ khó chịu với Minh, nghĩ là Minh không tốt; có bạn phê phán Minh; có bạn hỏi lại Minh thực hư sự việc. 2. Bạn không nên mở liên kết hoặc thư điện tử đó. Trao đổi với bố mẹ hoặc thầy cô sự việc đó và xin lời khuyên. 3. Để bảo vệ thư điện tử ta cần:   - Đặt mật khẩu mạnh để người khác không thể đoán biết, bảo vệ mật khẩu, đăng xuất khi dùng xong, cài đặt phần mềm chống virrus, không truy cập vào các liên kết lạ…  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - Khuyến khích HS tự kể ra các tình huống đã gặp phải (nếu có) để giúp các bạn phòng tránh.  **\* Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, đánh giá sản phẩm các nhóm và chốt kiến thức  - Nhấn mạnh để HS hiểu: nếu gặp phải một trong những nguy cơ đó thì các em cần chia sẻ với người thân, thầy cô bạn bèn để giải quyết  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  GV yêu cầu HS đọc phần nội dung kiến thức mới về an toàn thông tin SGK trang 40  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: đọc SGK  **\* Báo cáo kết quả**  HS: Trình bày kết quả  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Chuẩn kiến thức.  HS: Lắng nghe, ghi bài | **3. An toàn thông tin**  a, Bảo vệ thông tin cá nhân  - Cài đặt và cập nhập phần mềm chống virus.  - Đặt mật khẩu mạnh. Bảo vệ mật khẩu.  - Đăng xuất các tài khoản khi đã dùng xong.  - Tránh dùng mạng cộng đồng.  - Không truy cập vào các liên kết lạ; không mở thư điện tử và các tệp đính kèm gửi từ những người không quen; không kết bạn nhắn tin với người lạ. |

**Hoạt động 2.4: Chia sẻ an toàn thông tin**

**a) Mục tiêu:** Các em nhận thức được:

**+** Chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp

+ Không nên tuỳ tiện chia sẻ thông tin cá nhân cho người khác.

+ Nên kiểm chứng các thông tin trên mạng.

+ Không chia sẻ thông tin có thể làm tổn thương người khác.

+ Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu

**b) Nội dung:** Chia sẻ thông tin an toàn.

**c) Sản phẩm:** Học sinh biết một số cách chia sẻ thông tin an toàn.

**d) Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  Gv nêu mục đích, yêu cầu thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  1. Một bạn quen trên mạng xin số điện thoại và địa chỉ để gặp nhau nói truyện, em có nên cho không?  2. Em được một bạn gửi qua mạng cho một số thông tin không tốt về một bạn khác cùng lớp. Em có nên đăng lên mạng để mọi người biết không?  3. Các biện pháp bảo vệ thông tin tài khoản cá nhân và chia sẻ thông tin an toàn  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Dự kiến kết quả trả lời câu hỏi .  1. Em không cho người quen trên mạng số điện thoại và địa chỉ của em. Không hẹn gặp haynói chuyện với người đó vì có thể gặp điều không hay.  2. Em sẽ không đăng tin không tốt về bạn cùng lớp lên mạng. Em sẽ tìm hiểu để biết thông tin đó đúng hay sai và có thể giúp đỡ bạn.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - Khuyến khích HS tự kể ra các tình huống đã gặp phải (nếu có) để giúp các bạn phòng tránh.  **\* Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, đánh giá kết quả sản phẩm trình bày của các nhóm.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Yêu cầu Hs đọc phần hộp kiến thức SGK trang 41 và trả lời câu hỏi theo em để thông tin được đảm bảo an toàn thì cần có biện pháp gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân  - Suy nghĩ trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận**  HS: Trình bày kết quả sáu biện pháp bảo vệ thông tin, tài khoản cá nhân và chia sẻ thông tin an toàn.  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Chuẩn kiến thức và chiếu sáu biện pháp bảo vệ thông tin, tài khoản cá nhân và chia sẻ thông tin an toàn.  HS: Lắng nghe, ghi bài  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  Gv nêu mục đích, yêu cầu Hs thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi sau:  *Lời khuyên nào* ***sai*** *khi em muốn bảo vệ máy tính của mình*?   1. Đừng bao giờ thư điện tử và tệp đính kèm từ những người không quen. 2. Luôn đăng xuất khi sử dụng xong máy tính, thư điện tử. 3. Chẳng cần làm gì vì máy tính đã được cài đặt sẵn các thiết bị bảo vệ từ nhà sản xuất. 4. Nên cài đặt phần mềm bảo vệ máy tính khỏi virus và thường xuyên cập nhập phần mềm bảo vệ.   **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  HS: Suy nghĩ, thảo luận, trả lời  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  **\* Báo cáo, thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  Đáp án: C.  HS: Lắng nghe, ghi bài | **3. An toàn thông tin**  **b, Chia sẻ thông tin an toàn:**  - Không chia sẻ những thông tin cá nhân và những thông tin chưa được kiểm chứng trên internet.  - Không lan truyền tin giả làm tổn thương đến người khác. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

Củng cố kiến thức đã học. Học sinh biết vận dụng kiến thức để giải quyết các yêu cầu trong phần luyện tập.

**b) Nội dung:** Trả lời các câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Các câu trả lời

**d) Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Gv chiếu câu hỏi lên tivi, yêu cầu Hs cả lớp cùng quan sát và hoạt động cá nhân trả lời các câu hỏi sau:   1. Khi sử dụng internet, những việc làm nào sau đây có thể khiến em bị hại. 2. Tải phần mềm, tệp miễn phí trên internet. 3. Mở liên kết được cung cấp trong thư điện tử không biết rõ nguồn gốc. 4. Định kì thay đổi mật khẩu của tài khoản cá nhân trên mạng xa hội và thư điện tử. 5. Em có kẻ doạ nạt trên mạng không cho bố mẹ, thầy cô giáo biết. 6. Làm theo các bài hướng dẫn sử dụng thuốc trên mạng. 7. Theo em, những tình huống nào sau đây là rủi ro khi sử dụng internet. 8. Máy tính bị hỏng do nhiễm virus hoặc mã độc . 9. Thông tin cá nhân hoặc tập thể bị đánh cắp. 10. Tài khoản ngân hàng bị mất tiền. 11. Bị bạn quen trên mạng lừa đảo. 12. Nghiện mạng xã hội, nghiện trò chơi trên mạng. 13. Hoàn thành chương trình học ngoại ngữ trực tuyến.   **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc câu hỏi và suy nghĩ để tìm đáp án đúng  **\* Báo cáo, thảo luận**  HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm  **\* Kết luận, nhận định**  GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học | Trả lời câu hỏi:  Câu 1: A, B, D, E.  Câu 2: A, B, C, D, E. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Áp dụng được kiến thức vào cuộc sống thực tế để đảm bảo an toàn cho bản thân mình và gia đình, bạn bè khi tham gia sử dụng Internet.

**b) Nội dung:** GV nêu các câu hỏi phần vận dụng để học sinh trả lời.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của các HS

**d) Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Gv nêu mục đích, yêu cầu thảo luận nhóm, chia lớp thành 3 nhóm và đại diện nhóm trả lời các câu hỏi sau:  Nhóm 1: Thảo luận câu 1. Em hãy đưa ra một số cách nhận diện lừa đảo trên mạng?  Nhóm 2: Thảo luận câu 2. Em sẽ làm gì khi phát hiện bạn bè hoặc người thân có nguy cơ bị hại khi truy cập mạng?  Nhóm 3: Thảo luận câu 3. Em nên làm gì để bảo vệ thông tin tài khoản cá nhân?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người trình bày. Các nhóm thảo luận, trình bày câu trả lời vào bảng nhóm.  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  HS có thể trả lời theo ý kiến riêng của mình.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khácvà chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, .  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét đánh giá các nhóm thông qua sản phẩm trả lời của học sinh.  - GV chốt kiến thức chiếu lên màn hình tivi.  - Hs quan sát và ghi nhớ kiến thức. | Câu 1: Một số cách nhận diện lừa đảo trên mạng  Những trò lừa đảo trên mạng là những quảng cáo đánh vào lòng tham vật chất, những lời dụ dỗ, rủ tê làm những việc liên quan đến vấn đề nhạy cảm, những tin nhắn tự giới thiệu là người quen của cha mẹ để làm điều gì đó mà bố mẹ không biết, tin nhắn của người lạ thường liên quan đến một tổ chức nào đó liên quan đến tiền bạc những lời giới thiệu gây tò mò, hiếu kì,…  Câu 2: Khi người thân hay bạn bè có nguy cơ bị hại trên mạng khuyên hạ cần dừng tạm việc lên mạng, báo cho cha mẹ hay thầy cô giáo, cơ quan công an để được bải vệ và có cách sử lí. Máy tính được xài đặt các trương chình diệt virus nếu máy em bị nhiễm mã độc hay virus em hãy quét và diệt virus ngay. Nếu máy tính bị nhiễm nặng hơn thì nên dừng sử dụng và mang đến các cửa hàng để kiểm tra và sửa chữa.  Câu 3: Một số biện pháp để bảo vệ thông tin tài khoản cá nhân  - Cài đặt và cập nhập phần mềm chống virus.  - Đặt mật khẩu mạnh. Bảo vệ mật khẩu.  - Đăng xuất các tài khoản khi đã dùng xong.  - Tránh dùng mạng cộng đồng.  - Không truy cập vào các liên kết lạ; không mở thư điện tử và các tệp đính kèm gửi từ những người không quen; không kết bạn nhắn tin với người lạ. |

**Hoạt động 5: Hướng dẫn về nhà**

- Xem lại toàn bộ nội dung kiến thức về bài 9 An toàn thông tin trên Internet.

- Áp dụng vào thực tiễn khi các em sử dụng internet cần phải bảo mật thông tin cá nhân, gia đình. Không truy cập vào các liên kết lạ mà bạn bè, hoặc người lạ gửi tới.